

QUYỂN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York, năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI.

CHƯƠNG V

CHẤT ETHER, TỨC “ÁNH SÁNG TINH TÚ”

- Là một lực bản sơ duy nhất, nhưng có nhiều tương quan.
- Còn một chút xíu nữa là Tyndall đã có một khám phá lớn.
- Không thể có phép lạ.
- Bản chất của nguyên thể chất.
- Việc thuyết giải một số huyền thoại thời xưa.
- Sự thí nghiệm của các fakirs.
- Sự tiến hóa trong thuyết ẩn dụ của Ấn Độ.

“Ich bin der geist der stets verneiny”

(Tôi là tinh thần vẫn còn chối bỏ)

- (*Mephisto* trong tác phẩm FAUST).

“Thần khí sự thật mà thế gian không thể tiếp nhận được vì nó không thấy Ngài; mà cũng chẳng biết Ngài. – *Phúc âm theo thánh John*, xiv. 17.

“Hàng triệu tạo vật tâm linh nghênh ngang trên trần thế
Mà ta không thấy ngay cả khi ta thức lẫn khi ta ngủ.”

- MILTON.

“Chỉ có sự giác ngộ trí tuệ không thể nhận ra được điều tâm linh. Cũng như mặt trời dập tắt một ngọn lửa, cũng vậy tinh thần bịt mắt kẻ chỉ có trí năng thôi.

- W. HOWITT.

Đã có sự lẫn lộn vô cùng về những tên gọi để diễn tả cùng một sự vật.

Hỗn mang của cổ nhân; lửa thiêng của Bái Hỏa giáo hoặc *Antusbyrum* của Ba Tư giáo; lửa-Hermes; lửa-Elmes của người cổ Đức; tia chớp của Cybelè; ngọn đuốc cháy bùng của thần Apollo; ngọn lửa trên đền thờ Pan; lửa không thể bị dập tắt trong đền thờ trên thành Acropolis và nơi đền thờ ở Vesta; ngọn lửa của bánh lái thần Pluto; những tia lửa chói lọi trên nón của Dioscuri; trên đầu Gorgon, bánh lái của Pallas và cây quyền trượng của thần Mercury; Phtha tức Ra của người Ai Cập; thần *Jeus Cataibates* (giáng hạ) ^[1] của người Hi Lạp; ngọn lửa lưỡi của lễ ngũ tuần, bụi cây cháy đỏ của thánh Moses; cột trụ lửa trong thánh thư *Về miền đất hứa* và “cây đèn cháy sáng” của Abram; lửa vĩnh hằng của “hố sâu không đáy”; hơi nước trong hầm truyền ở đền thờ Delphe; ánh sáng Tinh đầu của môn đồ Hoa hồng Thập tự; AKASA của các cao đồ Ấn Độ; ánh sáng Tinh tú của Eliphas Levi; hào quang thần kinh và lưu chất thần kinh của các nhà tử điển, *od* của Reichenbach; quả cầu lửa tức thiên thạch hình *con mèo* của Babinet; *Psychod* và lực ngoại khí của Thury; lực thông linh của Sergeant Cox và ông Crookes; tử điển khí quyển của một số nhà vạn vật học; phép chữa bệnh bằng dòng điện một chiều và cuối cùng là dòng điện chẳng qua chỉ là đủ thứ tên gọi

^[1] Pausanias, tác phẩm “*Eliæ*”, quyển I, chương xiv.

dành cho nhiều biểu lộ khác nhau hoặc hiệu ứng của cùng một nguyên nhân bí nhiệm thẩm nhuần vạn vật tức là *Archeus* của người Hi Lạp.

Trong tác phẩm *Giống dân Vị lai* của ngài E. Bulwer Lytton mô tả nó là VRIL^[1] mà cư dân dưới đất sử dụng, khiến cho bạn đọc coi đó là điều hư cấu. Ông bảo rằng “những người này xét thấy rằng nơi vril, họ đã đạt tới sự đơn nhất về các tác nhân năng lượng thiên nhiên” và tiếp tục chứng tỏ rằng Faraday thông tri chúng “dưới một thuật ngữ thận trọng hơn về mức độ tương quan” như sau.

“Từ lâu rồi tôi đã có ý kiến hầu như đạt tới mức tin chắc; nói chung tôi tin rằng đối với nhiều người ưa thích kiến thức thiên nhiên khác, đủ thứ dạng mà các lực vật chất biểu lộ dưới đó CÓ MỘT NGUỒN GỐC CHUNG; hoặc nói cách khác chúng có liên quan trực tiếp và tự nhiên là tùy thuộc sao cho có thể nói chúng bị chuyển hóa lẫn nhau và có được những điều tương đương với quyền năng trong khi tác động”.

Cho dù dường như là phi lý và phản khoa học khi ta so sánh lực *vril* hư cấu mà nhà viết tiểu thuyết vĩ đại sáng chế ra cũng như lực bản sơ của nhà thực nghiệm cũng vĩ đại như thế, đem sánh với tinh tú quang trong kinh Kabala; tuy nhiên đó là định nghĩa chân chính của lực này. Người ta thường xuyên khám phá để bổ chứng cho phát biểu được trình bày táo bạo như thế. Từ khi chúng ta bắt đầu viết phần này của bộ sách, người ta đã đưa ra lời loan báo trong một số tờ báo về việc ông Edison được giả sử là đã phát hiện một lực mới (Edison là một nhà điện học ở Newark, bang New Jersey), lực này dường như chẳng có gì chung với điện hoặc phép chữa bệnh bằng dòng điện một chiều, ngoại trừ nguyên lý dẫn điện. Nếu được chứng minh thì trong một thời gian dài nó có thể vẫn còn phải mang một biệt hiệu khoa học nào đó, tuy nhiên nó chẳng qua chỉ là một trong nhiều họ con cái được sinh ra từ lúc khởi đầu thời gian do bà mẹ của kinh Kabala là *Mẹ Đồng trình Tinh anh*. Thật vậy, nhà khám phá bảo rằng “nó có những định luật riêng biệt và chính qui chẳng khác nào nhiệt, từ hoặc điện”. Tờ báo bao hàm bài tường trình đầu tiên về khám phá đó nói thêm rằng: “Ông Edison nghĩ rằng nó tồn tại liên quan tới nhiệt và ta cũng có thể sản sinh ra nó bằng những phương tiện độc lập giờ đây *chưa thể phát hiện được*”.

Có một khám phá hiện đại gây sửng sốt nhất là khả năng tiêu diệt khoảng cách giữa giọng nói của hai người nhờ vào *điện thoại* (máy nói chuyện từ xa), một dụng cụ do giáo sư A. Graham Bell phát minh ra. Khả năng này trước hết được gợi ra bởi điện báo nhỏ bé của “những tình nhân”, bao gồm những cái chén nhỏ bằng thiếc có da thuộc mịn và dụng cụ sinh đôi để nghe, nhờ đó người ta có thể tiến hành đàm thoại ở khoảng cách 200 bộ; dụng cụ này phát triển thành máy điện thoại vốn trở thành kỳ quan của thời đại này. Một cuộc trò chuyện lâu dài bằng điện báo đã diễn ra giữa Boston và Cambridgeport; theo báo cáo chính thức thì “người ta nghe rõ và hoàn toàn hiểu được mọi lời lẽ và hoàn toàn phân biệt được những biến điệu của giọng nói”. Có thể nói là *người ta chop lấy giọng nói và dùng một nam châm để giữ nguyên dạng nó; sóng âm được truyền đi bằng dòng điện tác động đồng bộ và hợp tác với nam châm*”. Trọn cả sự thành công này tùy thuộc vào việc hoàn toàn kiểm soát được dòng điện và khả năng của nam châm được sử dụng mà dòng điện phải hợp tác với nam châm. Tờ báo tường trình rằng: “Ta có thể mô tả thô thiển phát minh này là một loại kèn trên miệng chuông của nó có căng một bức màng mỏng manh; khi ta phóng tiếng nói vào trong cái ống thì bức màng phồng ra bên ngoài tỉ lệ với lực của sóng âm,

^[1] Chúng tôi e rằng vị tác giả cao quý đã chế ra những tên gọi kỳ quặc này bằng cách rút gọn những từ ngữ trong ngôn ngữ cổ điển. *Gy* bắt nguồn từ *gune*; còn *vril* bắt nguồn từ *virile*.

phía bên ngoài bức màng có gắn với một mẫu kim loại, khi màng phồng ra ngoài thì mẫu kim loại chạm vào một nam châm; người thao tác kiểm soát được điều này bằng mạch điện. Theo một nguyên lý nào đó mà ta còn chưa hoàn toàn hiểu rõ, dòng điện truyền sóng âm đi cũng như được chuyển đi qua giọng nói trong cái kèn và người lắng nghe ở đầu mút bên kia của đường dây, với một cái kèn sinh đôi hoặc mô phỏng giống hệt vậy máng vào tai, nghe rõ được mọi lời lẽ và dễ dàng dò ra được những biến điệu trong giọng nói của người phát ngôn”.

Như vậy khi có mặt những khám phá kỳ diệu như thế trong thời đại chúng ta và có thêm những khả năng pháp thuật tiềm tàng chưa được phát hiện trong địa hạt vô biên của thiên nhiên và hơn nữa khi xét tới khả năng rất lớn là Lực của Edison và điện thoại của giáo sư Graham Bell có thể làm lung lay nếu không phải là hoàn toàn làm đảo lộn mọi ý tưởng của ta về các lưu chất không cân động đo đếm được, thì cũng chẳng có gì hay ho cho những người có thể bị cám dỗ phải phủ nhận những phát biểu của chúng tôi, họ phải chờ xem liệu những phát biểu ấy có được bổ chứng hoặc bác bỏ bởi những khám phá khác nữa hay chẳng.

Chỉ lên quan tới những *khám phá* này thì có lẽ chúng tôi mới có thể nhắc bạn đọc nhớ tới nhiều điều bóng gió mà ta thấy trong những câu chuyện thời xưa về một điều bí mật nào đó đang thuộc quyền sở hữu của giới tu sĩ Ai Cập; trong khi hành lễ của các Bí pháp, họ có thể tức khắc trao truyền bí mật từ đền thờ này sang đền thờ kia, cho dù đền thờ này ở Thebes còn đền thờ kia ở đầu mút bên kia xứ sở; cố nhiên các huyền thoại gán nó cho những “bộ tộc vô hình” của thỉnh không vốn mang thông điệp tới cho kẻ phàm phu. Tác giả của quyển *Con người Tiên-Adam*, trích dẫn một ví dụ vốn được đưa ra dựa vào thẩm quyền của chính ông và ông dường như cũng không chắc chắn liệu câu chuyện này bắt nguồn từ Macrinus hay từ một tác giả nào khác; ta có thể xét theo việc nêu trên để biết được giá trị của nó. Ông bảo rằng trong thời gian lưu trú ở Ai cập, ông tìm ra được bằng chứng thuyết phục theo đó “một trong các nữ hoàng Cleopatras (?) gửi tin tức đi nhờ một sợi dây tới tận mọi đô thị, từ Heliopolis tới Elephantine ở thượng nguồn sông Nile ^[1]”.

Mới cách đây chẳng bao lâu, Giáo sư Tyndall đã tiếp dẫn chúng ta vào một thế giới mới chứa đầy những hình dạng mờ mờ nhàn ảnh đẹp ngây ngất nhất. Ông bảo rằng: “Phát hiện đó bao gồm việc khiến cho hơi chất lỏng dễ bay hơi phải chịu tác động của ánh sáng mặt trời tập trung hoặc chùm tia tập trung của ánh sáng điện”. Hơi của một vài chất nitric, iodic và axit phải chịu tác động của ánh sáng trong một *ống nghiệm* nằm ngang và được sắp xếp sao cho trục của ống và trục của chùm tia song song xuất phát từ ngọn đèn là trùng với nhau. Hơi bốc ra tạo thành các đám mây có màu sắc rực rỡ và bố trí thành hình dạng cái bình, cái chai, cái nón, cái tổ gồm sáu hoặc nhiều thứ hơn nữa; những vỏ sò, hoa tulip, hoa hồng, hoa hướng dương, lá cây và những cuộn bản thảo phức tạp. Ông bảo ta rằng: “Có một trường hợp thì nụ của đám mây nhanh chóng tăng trưởng thành đầu con rắn; người ta tạo ra một cái miệng và từ đám mây thì có một dây mây giống như một cái lưỡi được xả ra”. Cuối cùng để vượt lên trên đỉnh cao của những điều kỳ diệu “một lần nó đứt khoát có dạng một con cá có mắt, mang cá và xúc tu. Tính lưỡng diện của hình dạng con thú được phô bày khắp nơi và nếu có một cái đĩa, cuộn dây hoặc cái đốm nào mà tồn tại nơi một phía thì nó cũng phải tồn tại ở phía bên kia”.

Ta có thể giải thích những hiện tượng này phần nào do tác động cơ học của một chùm tia ánh sáng mà ông Crookes mới chứng tỏ gần đây. Chẳng hạn như ta có thể giả sử một trường hợp là các chùm tia sáng có thể đã cấu thành một

^[1] F. B. Randolph: “Con người Tiên-Adam”, trang 48.

trục nằm ngang, xung quanh đó các phân tử bị nhiễu loạn của chất hơi tụ tập lại thành hình dạng, hình quả cầu và hình thoi. Nhưng làm thế nào giải thích được về con cá, đầu rắn, những cái bình, đủ thứ loài hoa, những vỏ sò? Điều này dường như tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan cho khoa học cũng gần rồi trí như thiên thạch hình con mèo của Babinet. Chúng tôi không được học biết việc Tyndall dám đưa ra một lời giải thích phi lý về những hiện tượng phi thường của mình cũng như lời giải thích của người Pháp về hiện tượng của ông. Những người nào đã chú ý tới đề tài này đều có thể ngạc nhiên khi phát hiện thời xưa người ta đã biết nhiều xiết bao về cái nguyên thể tinh vi thấm nhuần vạn vật mà mới đây người ta đặt tên là chất ether vũ trụ.

Trước khi tiếp tục, một lần nữa chúng tôi muốn phát biểu những điều đã nói bóng gió trước kia qua hai mệnh đề dứt khoát. Các mệnh đề này là những định luật đã được chứng minh đối với các nhà thông thần thời xưa.

I. Cái gọi là các phép lạ bắt đầu bằng Moses và tận cùng bằng Cagliostro, khi chân thực, thì theo như de Gasparin đã nói bóng gió rất đúng trong tác phẩm của mình bàn về các hiện tượng lạ, "hoàn toàn phù hợp với các định luật thiên nhiên" vì thế cho nên không phải là phép lạ. Điện và từ chắc chắn đã được dùng để tạo ra một số điều kỳ diệu như xưa nay, mọi người thông linh đều trưng dụng được chúng, những người thông linh này do bản chất tổ chức của mình đặc thù khiến cho họ sử dụng được các quyền năng đó một cách *vô ý thức*; tổ chức của họ được dùng để dẫn truyền một số lưu chất nào đó không cân đong đo đếm được mà khoa học cho đến nay vẫn không biết hoàn toàn. Lực này là cha đẻ mãi mãi của vô số thuộc tính và tính chất, nhiều hoặc nói cho đúng là hầu hết tính chất này cho đến nay khoa vật lý học hiện đại chưa biết tới.

II. Các hiện tượng pháp thuật thiên nhiên mà người ta chứng kiến ở Xiêm La, Ấn Độ và Ai Cập cũng như mọi xứ Đông phương khác đều không có liên quan gì tới trò ảo thuật khéo tay; một đẳng là một hiệu ứng vật lý hoàn toàn do tác động của các lực huyền bí trong thiên nhiên, còn một đẳng là kết quả đối gạt được tạo ra do mảnh lối tinh xảo được đồng lõa bổ sung ^[1].

Các nhà thần thông của mọi thời đại, trường phái và xứ sở đều tạo ra được những điều kỳ diệu vì họ hoàn toàn quen thuộc với những làn sóng không cân đong đo đếm được – xét về tác dụng – nhưng mặt khác lại hoàn toàn rành rành của ánh sáng tinh tú. Họ kiểm soát được các dòng lực bằng cách dùng quyền năng ý chí để dẫn dắt chúng. Các điều kỳ diệu đều có tính cách cả vật lý lẫn tâm lý; tính chất vật lý bao hàm những tác dụng gây ra cho các vật thể, tính cách tâm lý bao gồm những hiện tượng tâm trí của Mesmer và những người nối nghiệp ông. Trong thời chúng ta thì lớp người này được đại diện bởi hai người rất nổi tiếng là Du Potet và Regazzoni, quyền năng của họ đã được chứng nhận tuyệt vời ở Pháp và các xứ khác. Thuật thôi miên Mesmer là nhánh quan trọng nhất của pháp thuật và các hiện tượng của nó là những tác dụng của tác nhân đại đồng vũ trụ vốn ẩn dưới mọi pháp thuật và lúc nào cũng tạo ra cái gọi là phép lạ.

^[1] Về điều này thì ít ra chúng tôi cũng dựa vào cơ sở xác đáng chứng nhận của ông Crookes bổ chứng cho các điều quả quyết của chúng tôi. Ở trang 84 trong quyển sách nhỏ bàn về "Thần linh học Hiện tượng lạ", ông nói rằng: "Nhiều trăm sự kiện mà tôi đang chuẩn bị chứng nhận – những sự kiện mà để bắt chước nó bằng cơ học đã biết hoặc bằng những phương pháp vật lý sẽ làm lúng túng tài khéo của một ông Houdin, một ông Bosco hoặc một ông Anderson, được hậu thuẫn bằng những phương tiện máy móc tinh xảo được thực hiện trong hàng năm trời – tất cả đều diễn ra ở nhà của chính tôi; đôi khi do bản thân tôi qui định trong những tình huống hoàn toàn ngăn ngừa được việc sử dụng các trợ cụ đơn giản nhất".

Cổ nhân gọi nó là *Hỗn mang*; Platon và các môn đồ của Pythagoras gọi nó là *Hỗn Thể Giới*. Theo người Ấn Độ, đấng Thiêng liêng dưới dạng Hậu thiên khí (Æther) thấm nhuần vạn vật. Đó là một Lưu chất vô hình nhưng quá rành rành như ta đã nói trước kia. Trong số những tên gọi khác thì Nguyên thể vũ trụ thiên biến vạn hóa này tức “đấng Đại hùng tinh vân” (De Mirville gọi nó một cách chế giễu như thế) được các nhà thông thần gọi là “lửa sống động”^[1], “Thần khí của Ánh sáng” và *Magnes*. Tên gọi cuối cùng này biểu thị từ tính của nó và cho thấy bản chất pháp thuật của nó. Đó là vì một trong những địch thủ của nó có diễn tả rất đúng rằng Magos và Magnes là hai nhánh tăng trưởng từ cùng một thân cây và phóng ra cùng một hợp lực.

Từ khí là một từ mà ta phải tìm từ nguyên của nó tới tận một thời kỳ sơ khai không thể tin nổi. Nhiều người tin rằng hòn đá mà ta gọi là *nam châm* được đặt tên theo Magnesia là một thị trấn hoặc quận ở Thessaly nơi người ta tìm thấy nhiều viên đá này. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng ý kiến của các môn đồ phái Hermes là chính xác. Từ ngữ *Magh*, *magus* có từ nguyên là tiếng Bắc phạt *Mahaji* đấng *cao cả* hoặc *minh triết* (đấng được xúc dầu nhờ minh triết thiêng liêng). “Eumolpus là người sáng lập *thần thoại* của các Eumolpidæ (các tu sĩ); các tu sĩ này có minh triết được truy nguyên tới tận Trí Thông tuệ Thiêng liêng”^[2]. Đủ thứ vũ trụ khởi nguyên luận cho thấy mọi quốc gia đều coi Hồn Vũ Trụ thiên biến vạn hóa là “trí tuệ” của đấng Hóa Công Sáng tạo, *Sophia* của môn đồ phái Ngộ đạo hoặc *Chúa Thánh Thần là một nguyên thể thụ tính* (female principle). Cũng như các vị Magi có danh xưng bắt nguồn từ đó, cũng vậy viên đá ở Magnesia tức đá nam châm được gọi tên để tôn vinh họ vì họ là những người đầu tiên phát hiện ra các tính chất kỳ diệu của nó. Đền thờ các Magi rải rác tứ phương của một xứ và trong số đó có một số đền thờ Hercules^[3]; vì thế cho nên một khi người ta biết rằng các vị tu sĩ dùng viên đá đó vì mục đích chữa bệnh và pháp thuật thì viên đá đó được gọi tên là viên đá Magnesia hoặc đá Hercules. Khi nói tới điều này Socrates nhận xét rằng: “Euripides gọi nó là viên đá Magnesia còn người thường gọi nó là viên đá Hercules”^[4]. Chính xứ sở và viên đá được gọi tên theo Magi chứ không phải các Magi được đặt tên theo xứ sở hoặc viên đá. Pliny thông tin cho ta biết rằng hẳn cười trong nhóm người La Mã được tử hóa bởi các vị tu sĩ trước buổi lễ. Các sử gia Ngoại đạo thời xưa cẩn thận giữ im lặng về một số Bí pháp của các bậc “minh triết” (Magi) và ông bảo rằng trong một giấc mơ Pausanias được cảnh báo không được tiết lộ những nghi thức linh thiêng của đền thờ Demeter và Persephoneia ở Athens^[5].

[1] Về tên gọi này, chúng tôi có phát hiện ra một ý nghĩa của câu nói gây rối trí mà ta tìm thấy trong tác phẩm Zend Avesta, theo đó “lửa mang lại kiến thức về tương lai, khoa học và ngôn ngữ thân hữu” vì nó phát triển được một sự hùng biện phi thường nơi một số nhà thông linh.

[2] Dunlap: “Musah và các Bí pháp của ông”, trang iii.

[3] Schwab có nói: ii, 44; “Hercules nổi tiếng là vua của các Musians; và Musien là các yến tiệc của “Tinh thần và Vật chất”, Adonis và Venus, Bacchus và Ceres. (Xem Dunlap: “Bí nhiệm của Adonis”, trang 95). Dựa vào thẩm quyền của Julian và Anthon (trang 67), Dunlap cho thấy Æsculapius là “đấng Cứu chuộc tất cả” đồng nhất với Phtha (Trí năng sáng tạo, Minh triết Thiêng liêng) cũng đồng nhất với Apollo, Baal, Adonis và Hercules (như trên, trang 93) và Phtha là “Anima mundi”, Hồn Thể giới của Plato, Chúa Thánh Thần của người Ai Cập và Ánh sáng Tinh tú của môn đồ kinh Kabala. Tuy nhiên, ông Michelet lại coi Herakles của người Hi Lạp là một nhân vật chính khác, đối địch với các cuộc liên hoan của Tử thần cùng với những sự hiến tế con người kèm theo.

[4] Plato: “Ion” (Burgess), quyển iv, trang 294.

[5] “Attic.” I, xiv.

Sau khi đã chối bỏ *từ khí động vật* một cách vô hiệu, khoa học hiện đại thấy mình bắt buộc phải chấp nhận nó là sự thật. Giờ đây nó là một tính chất được công nhận của tổ chức con người và động vật; còn về phần ảnh hưởng tâm lý huyền bí của nó, ngay trong thế kỷ này các Hàn lâm viện chiến đấu với nó khốc liệt hơn bao giờ hết. Người ta lại càng tiếc nuối và thậm chí ngạc nhiên khi các đại biểu của “khoa học chính xác” không thể hoặc là giải thích hoặc thậm chí hiến cho ta bất cứ điều gì giống như một giả thuyết hợp lý dành cho mãnh lực bí nhiệm không chối cãi được bao hàm chỉ trong một đá nam châm thôi. Chúng ta bắt đầu có được những bằng chứng hằng ngày cho thấy rằng những mãnh lực này ẩn dưới các bí pháp thông thần và do đó có lẽ giải thích được các năng khiếu huyền bí mà các nhà thần thông thời xưa và thời nay có được cũng như nhiều thành tựu đáng ngạc nhiên nhất của họ. Đó là những năng khiếu mà Chúa Giê su truyền lại được cho một số đệ tử của mình. Vào lúc có việc chữa bệnh bằng phép lạ, Chúa ở Nazarene cảm thấy một *quyền năng* xuất phát từ chính mình. Trong cuộc đàm thoại với Theages^[1], Socrates bảo y về vị thần thần linh quen thuộc của mình (ma quỷ) và quyền năng của mình hoặc là truyền thụ minh triết của Socrates cho môn đồ hoặc cản trở nó không lợi dụng những người liên kết với mình; ông đưa ra ví dụ sau đây để bổ chứng cho lời lẽ của mình. Aristides nói: “Socrates, ta xin bảo cho con một điều không thể tin được, quả thật là chư thần linh không tin được nhưng nó lại đúng sự thật. Con thành thạo khi con liên kết với thầy, cho dầu con chỉ ở chung một nhà chứ không chung phòng; nhưng hơn nữa khi con ở *chung phòng* . . . và nhiều hơn nữa khi con *nhìn thấy thầy* . . . Nhưng cho đến nay con thành thạo nhiều nhất khi con ngồi cạnh thầy và *chạm vào thầy*.”

Đây là từ khí và thuật thôi miên Mesmer hiện đại của Du Potet và các bậc thầy khác; khi họ khiến cho một người chịu ảnh hưởng *lưu chất* của mình thì họ có thể truyền thụ cho người này mọi tư tưởng của mình ngay từ xa và dùng một quyền năng không thể chống cự nổi để ép buộc đối tượng của mình phải tuân theo mệnh lệnh của *tâm trí* mình. Nhưng các triết gia thời xưa biết thừa lực thông linh này xiết bao! Chúng ta có thể thu lượm một thông tin nào đó bàn về đề tài này từ những nguồn tin sơ khai nhất. Pythagoras dạy cho môn đồ biết rằng Thượng Đế là *trí tuệ* vũ trụ thẩm nhuần vạn vật và nhờ vào đức tính duy nhất là đại đồng vũ trụ, trí tuệ này có thể được truyền thụ từ một đối tượng này cho một đối tượng kia và có thể chỉ cần quyền năng ý chí của con người là cũng khiến cho trí tuệ ấy sáng tạo ra được vạn vật. Đối với người Hi Lạp thời xưa, *Kurios* là thần Trí tuệ (*Nous*). Plato nói: “Giờ đây Koros (*Kurios*) có nghĩa là bản chất thuần khiết không pha trộn của trí năng tức là minh triết”^[2]. *Kurios* tức là thần Mercury, Minh triết Thiên liêng và “thần Mercury là Sol” (thần Mặt trời)^[3], từ đó Thaut – Hermes – nhận được minh triết thiên liêng; đến lượt ngài, ngài truyền thụ minh triết cho thế gian trong cách sách vở của mình. Hercules cũng là Mặt trời – kho chứa trên trời về từ khí vũ trụ^[4] hoặc đúng hơn là Hercules chính

[1] Plato: “Theages”. Cicero dịch từ này là một điều thiêng liêng nào đó chứ không phải là một điều gì đó mang tính phạm nhân.

[2] “Cratylus”, trang 79.

[3] “Arnobius”, vi, xii.

[4] Như ta sẽ chứng tỏ trong các chương sau đây, cổ nhân không coi mặt trời là nguyên nhân trực tiếp của ánh sáng và nhiệt mà coi nó chỉ là tác nhân của ánh sáng, ánh sáng đi xuyên qua nó trên đường tới trái đất ta. Do đó người Ai Cập luôn luôn gọi nó là “mắt của Osiris”, bản thân của Osiris là *Ngôi Lửa*, Đấng sinh ra Đầu tiên, ánh sáng biểu lộ ra cho thế gian, “vốn là tâm trí và trí năng thiêng liêng của Đấng Ẩn tàng.” Đó chỉ là ánh sáng của Đấng mà ta nhận biết là Hóa công, Đấng *sáng tạo* ra hành tinh ta và mọi thứ thuộc

là ánh sáng từ tính, khi nó mở đường đi xuyên qua "mắt khai mở của cõi trời" thì nó nhập vào các vùng trên hành tinh ta để trở thành Đấng Sáng tạo. Hercules trải qua 12 công trình lao động, tức người khổng lồ anh dũng Titan! Ngài được gọi là "Cha của Vạn vật" và "Đấng Tự sinh" ^[1]. Hercules, Mặt trời bị Ma quỷ, Typhon giết chết ^[2], và Osiris cũng thế; Osiris là cha và anh của Horus, đồng thời đồng nhất với Horus; và chúng ta không được quên rằng nam châm được gọi là "xương của Horus", còn sắt là "xương của Typhon". Ngài được gọi là "Hercules Vô địch", chỉ khi ngài giáng xuống Âm phủ, (cõi âm ty) và hái "những quả táo hoàng kim" từ "cây hằng sống" thì ngài mới giết được con rồng ^[3]. Quyền năng thiêng của người khổng lồ Titan, là "mặt trái" của thần thái dương dùng lực vật chất để chống đối lại tinh thần từ tính thiêng liêng, nó ra sức làm hài hòa mọi thứ trong thiên nhiên.

Mọi vị thần thái dương cùng với biểu tượng của họ, tức mặt trời hữu hình đều chỉ là các đấng sáng tạo ra bản chất *vật thể* thôi. Bản chất *tâm linh* là công trình của Thượng Đế Tối Cao – MẶT TRỜI Trung ương, Tâm linh, Ẩn tàng cùng với Hóa công – Trí tuệ Thượng Đế của Plato và Minh triết Thiêng liêng của Hermes Trismegistus ^[4] – minh triết lan tỏa ra từ Oulom tức Kronos.

"Sau khi Lửa thuần khiết được phân phối trong các Bí pháp Samotharce thì một cuộc sống mới bắt đầu" ^[5]. Đây là sự "giáng sinh mới mẻ" mà Chúa Giê su có nói bóng gió trong cuộc đàm đạo ban đêm với Nicodemus. "Khi được khai tâm vào Bí pháp linh thánh nhất trong mọi Bí pháp vì bản thân ta là thanh khiết . . . Ta trở nên công chính và thánh thiện nhờ minh triết" ^[6]. Ngài *phà hơi* vào họ và nói với họ rằng "hãy tiếp nhận Thần khí Linh thiêng" ^[7]. Và chỉ nội cái hành vi quyền năng ý chí này cũng đủ để truyền thụ bí pháp dưới dạng cao cả và hoàn hảo nhất nếu cả đấng khai tâm lẫn người được khai tâm đều xứng đáng. Chế nhạo năng khiếu này cho dấu dưới dạng hiện nay 'là dòng dõi suy thoái và di tích tàn dư của một thời đại dốt nát mê tín và tội lỗi nó là không xứng đáng để khảo cứu mực thước, ắt cũng phi triết học và sai lầm vậy', Đức Cha J. B. Gross đã nhận xét như trên. "Người ta đã toan tính vén lên bức màn che khuất tầm nhìn về tương lai của ta trong mọi thời đại của thế giới và do đó người ta có khuynh hướng tọc mạch về khoảng thời gian được coi là một trong những năng lực trí tuệ của con người, được phó thác cho ta theo sự chuẩn y của Thượng Đế . . . Zuinglius, nhà cải cách Thụy sĩ đã chứng nhận tầm bao quát trong đức tin của mình về sự Thiên hựu của Đấng Tối Cao, về chủ nghĩa đại đồng theo đó Chúa Thánh Thần không bị loại trừ ra khỏi bộ phận xứng đáng của thế giới ngoại đạo. Khi thừa nhận sự thật này, chúng ta không thể dễ dàng quan niệm được một lý

về nó, cùng với các vũ trụ vô hình và không ai biết nổi rải rác khắp không gian, chẳng một vị thần thái dương nào dính dáng tới chúng. Ý tưởng này được trình bày rất rõ ràng trong "Thánh thư Hermes"

^[1] "Thánh ca của Orpheus", xii; Hermann, Dunlap: "Musah, và các Bí pháp của ngài", trang 91.

^[2] Movers, trang 525. Dunlap: "Các Bí pháp của Adonis", trang 94.

^[3] Preller: ii, 153. Đây hiển nhiên là nguồn gốc của giáo điều trong Ki Tô giáo cho rằng Chúa Ki Tô giáng xuống địa ngục để chế ngự được quỷ Sa tăng.

^[4] Sự kiện quan trọng này giải thích một cách đáng ca ngợi về thuyết đa thần thiêng của quần chúng và quan niệm tinh vi mang tính triết học cao siêu về Thượng Đế duy nhất vốn chỉ được giảng dạy trong các thành điện của đền thờ ngoại đạo.

^[5] Athon: "Cabeiria".

^[6] Plato: "Phædrus". Bản dịch của Cary.

^[7] John xx, 22.

do vững chắc theo đó tại sao một người ngoại đạo được ưu đãi như thế mà lại không thể tiên tri đúng thực được”^[1].

Thế mà cái chất nguyên thủy thần bí ấy là gì? Trong tác phẩm *Sáng thế ký*, vào lúc bắt đầu chương thứ nhất, nó được gọi là “mặt nước” nghe nói đã được “Thần khí Thượng Đế ấp ủ”. Ở chương xxvi, 5, Job có nói tới “những sự vật chết được tạo ra từ dưới nước và các cư dân dưới nước”. Trong nguyên bản, thay vì là “những sự vật chết” thì người ta viết các *Rephaim* chết (Rephaim là những người khổng lồ tức là những người sơ khai nhiều sức mạnh) mà một ngày kia ta có thể truy nguyên “cuộc tiến hóa” của giống dân hiện nay từ đó. Trong thần thoại học Ai Cập, Kneph (Thượng Đế Vĩnh hằng *chưa khai huyền*) được biểu diễn bằng biểu hiệu con rắn thời gian vĩnh hằng quấn quanh một vạc nước, đầu nó lớn vờn bên trên mặt nước mà nó ấp ủ bằng hơi thở của mình. Trong trường hợp này, con rắn là Agathodaimon, thiện thần; ở khía cạnh ngược lại đó là Kakothodaimon, ác thần. Trong tác phẩm *Eddas* của Bắc Âu, giọt mật (thực phẩm của chư thiên và của những con ong Yggdrasill sáng tạo bận rộn) rớt xuống vào ban đêm khi bầu khí quyển thấm nhuần hơi ẩm; và trong thần thoại phương Bắc với vai trò là nguyên khí sáng tạo thụ động, nó tiêu biểu cho sự sáng tạo ra vũ trụ từ *nước*; giọt mật này là ánh sáng tinh tú xét theo một trong các tổ hợp của nó và có những tính chất sáng tạo cũng như hủy diệt. Trong huyền thoại Chaldea về Berossus, Oannes hoặc Dagon, người cá giáo huấn thiên hạ, chỉ cho con trẻ thế giới được tạo ra từ *nước* và vạn hữu khởi nguồn từ *vật chất bản sơ* này. Thánh Moses dạy rằng chỉ có đất và *nước* mới có thể tạo ra một linh hồn sống động; và trong Thánh kinh, ta đọc thấy rằng cỏ cây không thể tăng trưởng cho tới khi Đấng Vĩnh Hằng khiến cho nó rớt như *mưa* xuống trần thế. Trong tác phẩm *Popol Vuh* của Mỹ tây cơ, con người được tạo ra từ *đất bùn* hoặc đất sét được lấy từ dưới nước lên. Brahma tạo ra Lomus, bậc Muni vĩ đại (tức con người đầu tiên) ngồi trên tòa sen, chỉ sau khi đã đưa vào hiện hữu, *các Chơn linh*, vốn được hưởng ưu tiên tồn tại như vậy trong đám phàm phu, và ngài tự sáng tạo ra mình từ nước, gió và đất. Các nhà luyện kim đan quả quyết rằng đất nguyên thủy tức là đất tiền-Adam khi được rút gọn về chất bản sơ thì ở giai đoạn biến hóa *thứ nhì*, nó giống như nước trong, còn giai đoạn tiến hóa đầu tiên thì nó là *alkahest* chính hiệu^[2]. Nghe nói chất nguyên thủy này có bao hàm trong bản thân bản thể của mọi thứ cấu tạo thành người; chẳng những nó có mọi yếu tố của bản thể vật lý của y mà còn có cả “nguyên sinh khí” dưới dạng tiềm tàng, sẵn sàng được khơi hoạt. Nó rút ra được điều này từ “sự ấp ủ” của Thần khí Thượng Đế bên trên mặt nước tức là hỗn mang; thật vậy chất này chính là hỗn mang. Chính Paracelsus quả quyết rằng mình có thể tạo ra những “người nho nhỏ” từ hỗn mang này; và chính vì thế mà Thales, nhà vật lý lỗi lạc, đã quả quyết rằng *nước* là nguyên thể của vạn vật trong thiên nhiên.

Hỗn mang nguyên thủy là gì nếu không phải là Hậu thiên khí (Æther)? Đó là chất Ether *hiện đại*, không phải dưới dạng được các nhà khoa học của ta công nhận mà dưới dạng được các triết gia thời xưa biết đến rất lâu trước thời thánh Moses; chất Ether với mọi tính chất bí nhiệm và huyền bí có chứa trong đó mầm mống của sự sáng tạo vũ trụ; chất Ether, trinh nữ trên trời, mẹ tâm linh của mọi hình tượng đang tồn tại và mọi thực thể; Vật chất và Sự Sống, Lực và Tác động đều bước vào tồn tại từ lòng mẹ ngay khi được Tinh thần Thiên liêng “ấp ủ”. Điện, từ, nhiệt, ánh sáng và tác động hóa học cho đến nay vẫn được hiểu biết rất

[1] Tác phẩm “Ngoại đạo” trang 104.

[2] Alkahest là từ ngữ được Paracelsus dùng lần đầu tiên để chỉ dung môi vạn năng vốn có thể co dẫn được vạn vật.

ít đến nỗi những sự kiện mới mẻ đang thường xuyên mở rộng tầm hiểu biết của ta. Ai biết cái quyền năng của người khổng lồ thiên biến vạn hóa này – Ether – chấm dứt nơi đâu hoặc nguồn gốc bí nhiệm của nó bắt nguồn từ đâu? Chúng tôi ngụ ý nói rằng ai dám chối bỏ cái tinh thần hoạt động trong đó và từ đó triển khai ra mọi hình tướng thấy được?

Thật là một nhiệm vụ dễ dàng khi chỉ ra rằng các huyền thoại vũ trụ khởi nguyên luận trên khắp thế giới đều dựa vào một tri thức của cổ nhân về các khoa học ngày nay liên kết lại để ủng hộ cho học thuyết tiến hóa; và sự khảo cứu thêm nữa có thể chứng tỏ rằng chúng đã làm quen rất nhiều với sự kiện về chính cuộc tiến hóa, bao gồm cả khía cạnh vật thể lẫn khía cạnh tâm linh hơn cả mức chúng ta giờ đây đạt được. Đối với các triết gia thời xưa, tiến hóa là một định lý mang tính đại đồng thể giới, một học thuyết bao gồm *tổng thể* và một nguyên khí đã xác lập; trong khi các nhà tiến hóa luận hiện đại chỉ có thể trình bày với chúng ta bằng những lý thuyết suy đoán với các định lý *đặc thù* nếu không phải là hoàn toàn *phủ định*. Những đại diện của minh triết hiện đại thật là hoài công khi muốn kết thúc sự tranh luận này và tự cho rằng vấn đề đã được giải quyết chỉ vì cách dùng thuật ngữ mơ hồ trong phép tường trình của thánh Moses xung đột với sự chú giải xác định của “khoa học chính xác”.

Ít ra thì người ta cũng chứng tỏ được một sự kiện: không có một mảnh vũ trụ khởi nguyên luận nào (cho dù nó có thể thuộc về bất cứ quốc gia nào) mà không dùng cái ẩn dụ phổ biến trên khắp thế giới về nước và tinh thần ấp ủ trên mặt nước để chứng tỏ điều ấy cũng như các nhà vật lý học hiện đại đã dùng bất kỳ điều nào nêu trên để chủ trương vũ trụ phải được hình thành từ hư vô; đó là vì mọi huyền thoại của họ đều bắt đầu từ cái thời kỳ mà hơi nước mới sinh ra và bóng tối của cõi u minh vẫn ấp ủ bên trên một khối lưu chất sẫm sùng khởi sự cuộc hành trình hoạt động của mình vào sự rộn ràng đầu tiên của thần khí của Ngài, vốn là Đấng Chưa Được Khải Huyền. Họ cảm nhận được Ngài nếu họ không nhìn thấy được Ngài. Trực giác tâm linh của họ không bị u ám do sự nguy biến tinh vi của những thời đại vị lai như thời đại chúng ta hiện nay. Nếu họ ít nói về thời đại Silure dần dần phát triển thành thời Động vật có vú và nếu thời Tân sinh chỉ được ghi lại đủ thứ ẩn dụ về con người sơ khai – Adam của giống dân *chúng ta* – thì xét cho cùng đó chỉ là một bằng chứng phủ định theo đó những người “khôn ngoan” và lãnh tụ này không biết tới những thời kỳ liên tiếp cũng giống như chúng ta thời nay. Vào thời Democritus và Aristotle, chu kỳ đã bắt đầu nhập vào con đường tiến bộ đi xuống. Và nếu hai triết gia này có thể thảo luận rất ăn ý với nhau về thuyết nguyên tử và truy nguyên nguyên tử tới tận *điểm* vật chất hoặc vật lý của nó thì tổ tiên của họ còn có thể đi xa hơn nữa và theo dõi sự khởi nguyên của nó vượt xa cái giới hạn mà ông Tyndall và những người dường như cầm rế vào cái điểm ấy mà không dám băng qua đường lối của “Điều không thể hiểu nổi”. Các *nghe thuật thất truyền* cũng là một bằng chứng đủ cho thấy dù thành tựu của họ về địa lý thiên nhiên giờ đây bị nghi ngờ vì có những tác phẩm không thỏa đáng của các nhà vật lý và vạn vật học, thì mặt khác kiến thức thực hành của họ về hóa học thực vật và khoáng vật học vượt xa kiến thức của chính chúng ta. Hơn nữa, họ có thể hoàn toàn quen thuộc với lịch sử vật lý của quả địa cầu mà không công bố kiến thức của mình cho khối quần chúng dốt nát vào thời các Bí pháp tôn giáo.

Do đó đâu chỉ từ các thánh thư của Moses mà ta mới ngụ ý viện dẫn ra bằng chứng để lập luận thêm nữa. Tín đồ Do Thái giáo thời xưa có được mọi kiến thức – tôn giáo cũng như phạm tục – từ các quốc gia mà ta thấy họ hòa nhập với chúng ngay từ những thời kỳ sơ khai nhất. Ngay cả khoa học cổ xưa nhất, tức là “giáo lý bí nhiệm” theo kinh Kabala cũng có thể được truy nguyên từng chi tiết

một tới tận nguồn gốc ban sơ tức là vùng Thượng Ấn Độ, tức Turkestan ngay trước cả thời kỳ có sự phân ly rõ rệt giữa các quốc gia Aryean và Semites. Theo sử gia Josephus ^[1] vốn được hậu thế ngưỡng mộ xiết bao về tài khéo pháp thuật của mình cũng có được học thức bí mật từ Ấn Độ thông qua Hiram là vua của Orphir và có lẽ của Sheba. "Cái nhẫn của ngài thường được gọi là "ngọc ấn Solomon" đã được ngưỡng mộ xiết bao vì mãnh lực mà nó tác động lên đủ thứ thần linh và ma quỷ trong mọi huyền thoại bình dân; ngọc ấn ấy cũng có nguồn gốc Ấn Độ. Khi viết về tài khéo khả ố và tự xưng tự mọc của những "kẻ thờ ma quỷ" ở Travancore, Đức Cha Samuel Mateer thuộc Hội thừa sai Luân Đôn, đồng thời cũng quả quyết mình có được một quyển bản thảo rất xưa bao gồm những thần chú và bùa phép viết bằng ngôn ngữ Malayālim, ra lệnh thực hiện vô số chủ đích. Cố nhiên ông nói thêm rằng "nhiều bùa chú này thật *để sợ* về tính ác hại và âm ô". Trong tác phẩm của mình ông có trình bày bản sao của một số bùa bao gồm những hình vẽ và một hình thiết kế pháp thuật trên đó. Trong số đó chúng tôi thấy có một lá bùa với lời lẽ như sau: "Muốn làm hết run vì bị ma quỷ ám thì hãy viết hình vẽ này lên trên một cái cây có nước ép giống như sữa rồi đóng đinh xuyên qua nó thì cơn run rẩy sẽ không còn nữa" ^[2]. Hình vẽ này đồng nhất với *ngọc ấn Solomon* tức tam giác kép của môn đồ kinh Kabala. Liệu người Ấn Độ có được nó từ môn đồ kinh Kabala thuộc Do Thái giáo hay là môn đồ này có được nó từ Ấn Độ, do kế thừa môn đồ kinh Kabala là bậc đại vương minh triết Solomon? ^[3]. Nhưng chúng tôi xin dẹp qua một bên sự tranh cãi vớ vẩn này để nói tiếp về vấn đề thú vị hơn là ánh sáng tinh tú cùng với những tính chất của nó mà chưa ai biết.

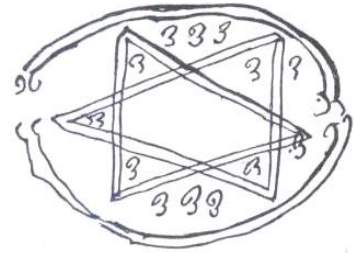
[1] Josephus: "Cổ tích", quyển viii, chương 2 - 5.

[2] "Vùng đất từ thiện", trang 210.

[3] Những lời rêu rao của một vài vị "cao đồ" – vốn không nhất trí với những lời khẳng định của các môn đồ kinh *Kabala* thuần túy Do Thái giáo, cho rằng giáo lý bí nhiệm bắt nguồn từ Ấn Độ, từ đó nó được truyền sang Chaldea rồi sau đó lọt vào tay phái "Tana'im" mà cổ Do Thái được đặc biệt bổ chứng do các khảo cứu của những vị thừa sai truyền giáo Ki Tô. Các lữ khách mộ đạo và bác học này đã vô tình trợ giúp cho chúng tôi. Tiến sĩ Caldwell trong tác phẩm "Ngữ pháp Đối chiếu của các Ngôn ngữ Dravidian", trang 66 và Tiến sĩ Mateer trong "Vùng đất Từ thiện", trang 83, hoàn toàn hậu thuẫn cho lời khẳng định của chúng tôi theo đó vua Solomon minh triết đã có được mọi kho học thức Kabala bắt nguồn từ Ấn Độ mà hình pháp thuật nêu trên đã chứng tỏ rõ rệt. Vị thừa sai Caldwell muốn chứng tỏ rằng các mẫu cây baobab khổng lồ và rất xưa cũ dường như không phải gốc gác nơi Ấn Độ mà thuộc về vùng đất Phi Châu, người ta chỉ thấy chúng ở vài địa điểm rất xưa cũ có giao thương với nước ngoài (ở Travancore); ông nói thêm rằng theo chỗ chúng tôi biết thì nó đã được những người phục vụ cho vua Solomon du nhập vào Ấn Độ và trồng ở đây. Bằng chứng khác còn thuyết phục hơn nữa. Trong chương bàn về Lịch sử Tự nhiên của Travancore, Tiến sĩ Mateer có nói: "Có một sự kiện kỳ diệu liên quan tới tên gọi của giống chim này (con công) vốn soi sáng cho lịch sử Thánh kinh. Vua Solomon gởi hạm đội tới Tarshish (Thánh thư Vương sử I, x, 22) chúng cứ ba năm lại trở về một lần mang theo vàng, bạc, ngà voi, khí và công. Thế mà từ ngữ được dùng trong thánh kinh Hebrew để chỉ con công là 'tukki' và vì người Do Thái cố nhiên không có từ ngữ nào để chỉ những con chim đẹp đẽ này cho tới khi lần đầu tiên được vua Solomon nhập khẩu vào vùng đất Judea, cho nên chắc chắn 'tukki' chỉ là từ ngữ 'toki' của tiếng cổ Tamil, tên gọi con công. Trong tiếng Hebrew, con khi cũng được gọi là 'koph', còn tiếng Ấn Độ gọi nó là 'kaphi'. Ta thấy rằng ngà voi có rất nhiều ở miền Nam Ấn Độ, còn vàng thì ở rải rác khắp nơi dọc theo con sông ở biển phía Tây. Vì vậy, 'Tarshish' mà người ta có nhắc tới chắc chắn là bờ biển phía Tây của Ấn Độ, còn hạm đội của vua Solomon là những người Đông Ấn thời xưa. Cũng vì thế mà ta có thể nói thêm rằng ngoài vàng, bạc, khí và công ra vua Solomon và người bạn Hiram nổi tiếng trong Hội Tam Điểm đã được pháp thuật và minh triết bắt nguồn từ Ấn Độ.

Vậy là khi công nhận rằng tác nhân thần thoại này là chất Ether thì ta hãy xúc tiến xem khoa học biết gì và biết được bao nhiêu về nó.

Xét về đủ thứ hiệu ứng của các tia sáng mặt trời khác nhau, Robert Hunt (Hội viên Hội Hoàng gia) có nhận xét như sau trong tác phẩm *Khảo sát về Ánh sáng theo các Hệ thức Hóa học*:



"Những tia cung cấp nhiều ánh sáng *nhất* – tia màu vàng và tia màu cam – không làm cho clorua bạc đổi màu", trong khi "những tia có *ít* khả năng chiếu sáng nhất – tia màu xanh lơ và màu tím – làm cho clorua bạc đổi màu nhiều nhất trong một thời gian cực ngắn. . . Thủy tinh màu vàng chẳng cản trở ánh sáng bao nhiêu, còn thủy tinh màu xanh lơ có thể tối sầm đến nỗi chỉ cho một số ánh sáng rất nhỏ xuyên thấu qua".

Và ta vẫn còn phải tìm hiểu xem tại sao chịu tác động của ánh sáng *màu xanh lơ* thì cả sự sống thực vật lẫn sự sống động vật đều biểu lộ một sự phát triển vô độ, còn khi chịu tác động ánh sáng màu vàng thì sự phát triển của nó lại bị ngưng trệ theo tỉ lệ giống như thế. Làm sao ta có thể giải thích được điều này một cách thỏa đáng nếu không dựa vào giả thuyết cho rằng cả sự sống động vật lẫn sự sống thực vật đều là những hiện tượng điện từ bị biến thái khác nhau mà cho đến nay ta còn chưa biết được những nguyên lý căn bản".

Ông Hunt thấy rằng thuyết ba động không giải thích được kết quả thí nghiệm của mình. Trong quyển *Luận về Quang học*, ngài David Brewster cho thấy rằng "màu sắc của sự sống thực vật bắt nguồn từ một sức hút chuyên biệt mà các hạt của những vật thể này tác động lên những tia sáng có màu sắc khác nhau"; "những nước ép có màu của cây cối được đều chế ra nhờ ánh sáng mặt trời, màu sắc của các vật thể cũng bị thay đổi . . .". Ông nhận xét không dễ gì mà chấp nhận "những hiệu ứng như thế có thể được tạo ra chỉ do sự chấn động của một môi trường ether". Ông bảo rằng do cái lóp sự kiện này mà ông *bị bắt buộc* phải lý luận như thể ánh sáng có *tính vật chất*". Giáo sư Josiah P. Cooke ở Đại học Haward bảo rằng ông "không thể đồng ý . . . với những kẻ nào coi thuyết ba động ánh sáng là một nguyên lý đã được xác lập của khoa học" ^[1]. Học thuyết của Herschel theo đó khi có tác dụng của mỗi ba động thì cường độ của ánh sáng "tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách đến vật thể phát sáng"; nếu học thuyết này là đúng thì nó gây phương hại rất nhiều nếu không phải là bóp chết thuyết ba động. Những cuộc thí nghiệm bằng quang kế đã chứng tỏ lại rằng ông đúng và mặc dù người ta bắt đầu nghi ngờ rất nhiều song thuyết ba động (thuyết sóng về ánh sáng) vẫn còn sống sót.

Vì Tướng Pleasanton ở Philadelphia đã đảm nhiệm việc chiến đấu chống lại cái giả thuyết phản-Pythagoras này và đã dành cho nó trọn cả một quyển sách, cho nên chúng tôi không thể làm gì khác hơn là xin độc giả hãy tham chiếu tác phẩm gần đây của ông ta bàn về *Tia sáng Màu xanh lơ* v.v. . . Chúng tôi để cho thuyết của Thomas Young, (theo Tyndall, ông đã "đặt thuyết ba động về ánh sáng trên một cơ sở bất di bất dịch") giữ nguyên giá trị của mình nếu có thể được đối với nhà thực nghiệm ở Philadelphia.

Nhà pháp thuật hiện đại, Eliphas Levi mô tả ánh sáng tinh tú qua câu sau đây: "Chúng tôi đã bảo rằng muốn có quyền năng pháp thuật thì cần phải có hai điều: giải phóng ý chí ra khỏi mọi sự nô dịch và vận dụng ý chí một cách có kiểm soát".

^[1] Cooke: "Hóa học Mới", trang 22

“Trong biểu tượng của chúng tôi, ý chí tối cao được biểu diễn bằng một phụ nữ nghiền nát đầu con rắn và được biểu diễn bởi thiên thần chói lọi đàn áp con rồng, dùng mũi giáo dí con rồng xuống tận chân mình; tác nhân pháp thuật vĩ đại, dòng ánh sáng lưỡng bội, lửa sống động và tinh anh của đất đã được biểu diễn trong thần phổ cổ truyền bằng con rắn có đầu bò mộng, cừu đực hoặc chó. Đó là con rắn kép trong *quyền trượng* của thần Mercure, đó là Con rắn Già nua trong *Sáng thế ký*, nhưng đó cũng là *con rắn bằng đồng thau của thánh Moses* quấn xung quanh thập tự giá chữ *Tau*, nghĩa là *tượng dương vật* sinh thực khí. Đó cũng là con dê của bà phù thủy Sabbath; là Baphomet của các Hiệp sĩ đền thờ; là Hilé của môn đồ phái Ngộ đạo; là cái đuôi kép của con rắn tạo thành cẳng chân của con gà trống mặt trời thuộc Abraxas; cuối cùng đó là Ma quỷ của ông Eudes de Mirville. Nhưng thật ra đó là lực mù quáng mà linh hồn phải chinh phục để giải thoát mình ra khỏi những ràng buộc của trần thế. Đó là vì ý chí của họ không giải thoát “họ ra khỏi *sức hút chết người* này thì họ sẽ bị ma lực đã sản sinh ra họ cuốn vào dòng để trở về lửa vĩnh hằng trung tâm”.

Phép tu từ vừa qua theo kinh Kabala mặc dù những thuật ngữ kỳ cục lại chính là ẩn dụ mà Chúa Giê su đã dùng; và trong tâm trí của ngài thì nó chẳng có được ý nghĩa nào khác hơn là ý nghĩa của các môn đồ phái Ngộ đạo và môn đồ kinh Kabala gán cho nó. Về sau các nhà thần học Ki Tô giáo thuyết giải nó khác đi và đối với họ nó trở thành giáo lý về Địa ngục. Mặc dù vậy, theo sát nghĩa nó chỉ có nghĩa đúng như nó nói tức là ánh sáng tinh túy, tức là yếu tố sản sinh và hủy diệt mọi hình tượng.

Levi nói tiếp: “Mọi thao tác pháp thuật đều cốt ở việc giải thoát bản ngã mình ra khỏi những vòng lẩn quẩn của Con rắn Cổ truyền rồi đạp chân mình lên đầu nó và dẫn dắt nó theo ý chí của người thao tác. Trong huyền thoại Phúc âm thì Con rắn có nói: ‘Ta sẽ ban cho người mọi cõi giới trên trần thế nếu người chịu phủ phục tôn thờ ta’. Vị điểm đạo đồ đã trả lời với nó rằng: ‘Ta không chịu phủ phục đâu mà chính người phải nép mình dưới chân ta, người nào có ban cho ta được điều gì đâu, mà chính ta mới sử dụng người để có được bất cứ thứ gì mà ta muốn. Đó là vì *ta chính là Chủ và Thầy của người*’. Đây chính là chân ý nghĩa của đáp từ mơ hồ mà Chúa Giê su dành cho kẻ cám dỗ . . . Như vậy Ma quỷ đâu phải là một Thực thể. Đó là một lực tấu hòa (tên gọi này có nghĩa như vậy). Một *dòng từ khí hoặc Od* được tạo ra bằng một chuỗi (một vòng) các ý chí độc hại ắt phải tạo ra cái loại tà thần mà Phúc âm gọi là *âm binh*, nó đã quăng cả một lũ heo xuống biển – đây là một dụ ngôn khác trong Phúc âm cho thấy bản chất thấp hèn bị lôi cuốn đi tuốt do các lực mù quáng được phát động bởi sự sai trái và tội lỗi” [1].

Trong tác phẩm hoành tráng bàn về những biểu lộ thần bí của bản chất con người, nhà vạn vật học và triết học người Đức Maximilian Perty đã dành trọn một chương cho *Các Hình thức hiện tại của Pháp thuật*. Trong Lời nói đầu ông có nói: “Những biểu lộ của sinh hoạt pháp thuật phần nào dựa trên một trật tự sự vật khác hẳn cái thiên nhiên mà trong đó chúng ta đã quen thuộc với thời gian, không gian và tính nhân quả; ta chẳng có thể thí nghiệm được bao nhiêu về những sự biểu lộ này; chúng không được triệu thỉnh theo lệnh của ta nhưng ta có thể quan sát và theo dõi chúng kỹ lưỡng bất cứ lúc nào chúng xảy ra khi có mặt ta; ta chỉ có thể xếp nhóm chúng theo phép tương tự thành ra một vài phân bộ rồi từ đó suy ra những nguyên lý và định luật tổng quát”. Như thế, đối với Giáo sư Perty (ông hiển nhiên là thuộc về trường phái Schopenhauer) khả năng và *tính tự nhiên* của hiện tượng lạ (vốn xảy ra khi có mặt Kavindasami, vị fakir, đã

[1] Eliphas Levi, Giáo điều và Nghi thức của Pháp thuật Cao siêu.

được nhà Đông phương học Louis Jacolliot đã mô tả) được chứng tỏ trọn vẹn dựa vào nguyên lý này. Vị fakir là một người do hoàn toàn chế ngự được vật chất trong hệ thống cơ thể của mình cho nên đã đạt tới trạng thái tẩy trừ khiến cho tinh thần gần như thoát khỏi ngục tù ^[1] và có thể tạo ra phép lạ. Ý chí của y, thậm chí chỉ một ước muốn của y cũng trở thành lực sáng tạo, y có thể điều khiển ngũ hành và các quyền năng của thiên nhiên. Cơ thể của y không còn cản trở y nữa, vì thế cho nên y có thể đàm đạo “tâm truyền tâm, khí truyền khí”. Khi y xòe bàn tay ra thì một hạt giống mà y chẳng biết (vì Jacolliot đã chọn nó ngẫu nhiên trong đủ loại hạt giống lấy ra từ một cái bao và bàn thân ông trồng hạt giống ấy trong một chậu hoa sau khi đã *đánh dấu* hạt giống) sẽ nảy mầm ngay tức khắc bên dưới lòng bàn tay y và mở đường chen lấn qua lớp đất. Chỉ nội trong hai tiếng đồng hồ, nó đã phát triển tới kích thước và độ cao mà trong hoàn cảnh bình thường có lẽ phải mất nhiều ngày hoặc nhiều tuần; nó tăng trưởng một cách mau nhiệm ngay trước mắt nhà thực nghiệm đang lúng túng và nó chế nhạo lật đổ mọi công thức đã được chấp nhận trong Thực vật học. Đây có phải là một phép lạ hay chăng? Tuyệt nhiên không, nó có thể là phép lạ nếu ta chấp nhận định nghĩa của Webster, theo đó “trong mọi tình huống phép lạ đều trái ngược với cấu tạo và lộ trình đã được *xác lập của sự vật* – một sự lệch lạc đối với các định luật *đã biết* trong thiên nhiên”. Nhưng phải chăng các nhà vạn vật học đã sẵn sàng ủng hộ lời tuyên bố theo đó những gì mà họ đã từng một lần *xác lập* dựa vào sự quan sát đều không thể sai lầm? Hoặc liệu họ có biết hết *mọi* định luật trong thiên nhiên hay chăng? Trong trường hợp này thì “phép lạ” chỉ là hơi nổi bật *hơn* so với những thí nghiệm giờ đây đã lừng danh của vị Tướng Pleasanton ở Philadelphia. Trong khi cây cối và hoa quả thuộc những cành leo của ông được ánh sáng tím nhân tạo kích thích hoạt động đến mức không thể tin nổi thì lưu chất từ điển xuất phát từ tay của vị fakir còn tạo ra những thay đổi nhanh chóng và mãnh liệt hơn nhiều nơi chức năng sống còn của các cây cối Ấn Độ. Nó thu hút và tập trung *akasa* tức nguyên sinh khí lên trên mầm mống ^[2]. Từ khí của y vốn tuân theo ý chí của y sẽ rút *akasa* trong một dòng tập trung xuyên qua cây cối hướng về bàn tay của y và do giữ cho dòng lưu chuyển không bị gián đoạn trong một thời khoảng cần thiết, nguyên sinh khí của cái cây kiến tạo hết tế bào này tới tế bào kia, hết lớp này đến lớp kia với một hoạt động siêu phàm cho đến khi công trình đã hoàn tất. Nguyên sinh khí chẳng qua chỉ là một lực mù

[1] Plato có nói bóng gió tới một nghi lễ được dùng trong các bí pháp,

[2] *Akasa* là một từ ngữ Bắc phạt có nghĩa là bầu trời nhưng nó cũng biểu thị nguyên sinh khí không nắm bắt được và không cân đo đong đếm được, là ánh sáng tinh tú và ánh sáng thiên giới tổ hợp lại với nhau, cả hai tạo thành *anima mundi* và cấu thành phần hồn và phần tinh thần của con người; ánh sáng thiên giới tạo ra tinh thần thiêng liêng của y, còn ánh sáng tinh tú tạo ra phần hồn tức *anh hồn* của y. Các hạt thô trước của phần hồn tham gia vào việc tạo ra hình dáng bên ngoài của y tức thể xác. *Akasa* là lưu chất bí nhiệm mà khoa học kinh viện gọi là “chất ether thấm nhuần vạn vật”, nó tham gia vào mọi thao tác pháp thuật của thiên nhiên, tạo ra các hiện tượng thần linh học, hiện tượng từ điện và thuật thôi miên mesmer. Ở Syria, Palestine và Ấn Độ, *Astral* có nghĩa là bầu trời, *sự sống* và *mặt trời* cùng một lúc; các nhà hiền triết thời xưa coi mặt trời là cái giếng lớn của vũ trụ. Dunlap có nói cách phát âm mềm hóa của từ ngữ này là *Ah* vì “chữ s liên tục mềm hóa thành chữ h khi đi từ Hi Lạp đến Calcutta”. *Ah* chính là *Iah*, *Ao* và *Iao*. Thượng Đế bảo thánh Moses rằng tên của ông ta là *Ahiah*, nhân đôi chữ Ah hoặc Iah. Từ ngữ “As” Ah hoặc Iah có nghĩa là *sự sống*, *sự tồn tại* và hiển nhiên là ngữ căn của từ ngữ *akasa*, mà ở Hindustan người ta phát âm là *ahasa*, nguyên sinh khí, tức môi trường hoặc lưu chất ban cấp sự sống Thiêng liêng. Đó là *ruah* trong tiếng Hebrew, nghĩa là “gió”, hơi thở, *không khí đang chuyển động*, tức “thần khí đang vận động” theo Từ vựng của Parkhurst, nó đồng nhất với thần khí của Thượng Đế *di chuyển* trên mặt nước.

quáng tuân theo một ảnh hưởng kiểm soát. Trong diễn trình thông thường của thiên nhiên, nguyên sinh chất của cái cây ắt đã tập trung và điều khiển nguyên sinh khí theo một nhịp độ nào đó đã được xác lập. Nhịp độ này ắt bị kiểm soát bởi hoàn cảnh khí quyển thịnh hành; nó tăng trưởng nhanh hay chậm từ chỏm cây xuống tới thân cây tỉ lệ với lượng ánh sáng, nhiệt và độ ẩm của mùa. Nhưng vị fakir khi bước vào trợ giúp thiên nhiên bằng ý chí mạnh mẽ và tinh thần được tẩy trước qua tiếp xúc với vật chất ^[1], có thể nói vị fakir đã ngưng tụ bản thể của sự sống cây cỏ thành ra mầm mống của nó và ép cho nó chín muồi trước thời hạn. Lực mù quáng này hoàn toàn tuân phục ý chí của y, tuân theo ý chí đó một cách nô dịch. Nếu y muốn *tưởng tượng* ra cái cây là một quái vật thì nó ắt chắc chắn là trở thành như thế thay vì thông thường thì nó tăng trưởng thành hình dạng tự nhiên; đó là vì linh ảnh cụ thể – nô lệ cho mô hình chủ quan được phác họa trong óc tưởng tượng của vị fakir – bị bắt buộc phải theo sát nguyên bản tới từng chi tiết nhỏ nhất nhất cũng như bàn tay và cây cọ vẽ của người họa sĩ theo sát hình ảnh mà chúng sao chép được từ tâm trí của y. Ý chí của nhà ảo thuật fakir tạo ra một cái khuôn vô hình, thế nhưng vẫn hoàn toàn thuộc ngoại giới, vật chất loài thực vật bị điều khiển để lắng đọng trong cái khuôn và khoắc lấy hình dạng nhất định. Ý chí sáng tạo; vì ý chí đang vận động chính là *lực* và lực thì tạo ra *vật chất*.

Nếu có người nào phản đối lời giải thích nêu trên dựa vào cơ sở cho rằng vị fakir tuyệt nhiên không thể sáng tạo ra mô hình trong óc tưởng tượng của mình, vì y bị Jacolliot không cho biết cái loại hạt giống mà ông tuyển lựa để thí nghiệm; chúng tôi xin trả lời những phản đối ấy như sau: tinh thần của con người cũng giống như tinh thần của Tào hóa, có bản chất là toàn tri. Trong khi ở trạng thái tự nhiên, vị fakir *không* biết và *không thể* biết liệu đó là hạt giống của dưa gang hay của bất cứ thứ nào khác; một khi ở trạng thái xuất thần – nghĩa là cơ thể chết đi với mọi trình hiện ở bên ngoài – thì tinh thần (đối với nó không có khoảng cách, không có chướng ngại vật cũng chẳng có không gian, thời gian) không phải trải nghiệm khó khăn nào cũng nhận thức hạt giống cây dưa gang, cho dù nó bị chôn sâu trong đất bùn của chậu hoa hoặc được phản ảnh trong phòng trưng bày tranh ảnh trung thực của bộ óc Jacolliot. Các linh ảnh, điềm gở và các hiện tượng tâm lý khác, tất cả những điều có tồn tại trong thiên nhiên ấy đều bổ chứng cho sự kiện nêu trên.

Và giờ đây có lẽ chúng ta cũng gặp phải ngay lập tức một lời phản đối khác sắp bùng lên. Họ ắt bảo chúng ta rằng những kẻ *sơn đông mãi võ* Ấn độ cũng làm được giống như vị fakir nếu ta tin theo báo chí và lời tường thuật của lũ khách. Chắc chắn là như vậy và hơn nữa những kẻ sơn đông mãi võ lang thang này đâu có lối sống thanh khiết mà cũng chẳng được ai coi là thánh thiện cho dù ai đó là người nước ngoài hay dân bản xứ. *Dân bản xứ thường SỢ SẼT và khinh bỉ* họ vì họ là các *thầy phù thủy*, những người thực hành *tà thuật*. Trong khi một thánh nhân như Kavindasami chỉ cần có sự trợ giúp của hồn thiêng của chính mình, kết hợp mật thiết với anh hồn và sự giúp đỡ của vài *pitris* quen thuộc – là

^[1] Nên nhớ rằng Kavindasami khiến cho Jacolliot phải thề thốt là mình không được đến gần hoặc *chạm vào* Kavindasami trong thời gian ngài đang xuất thần. Chỉ một chút tiếp xúc với *vật chất* cũng làm tê liệt tác động của tinh thần được giải thoát, nếu ta được phép dùng một phép so sánh thiếu thi vị thì tinh thần sẽ nhập lại vào chỗ trú của nó giống như một con ốc sên hoảng sợ co vào trong vỏ ốc khi có một chất ngoại lai tiến tới gần nó. Trong một số trường hợp, *sự can thiệp* cắt đứt đột ngột như thế khiến cho tinh thần co trở lại (đôi khi nó có thể đột ngột làm cắt đứt hoàn toàn sợi chỉ mỏng manh nối liền nó với thể xác) ắt giết chết *đối tượng* đang xuất thần. Xem nhiều tác phẩm của Nam tước du Potet và Puysegur về vấn đề này.

các thực thể tinh anh thanh khiết tụ tập lại xung quanh vị huỳnh đệ ưu tú bằng xương bằng thịt – thì thầy phù thủy có thể triệu thỉnh cầu viện tới các lớp tinh linh mà ta biết là tinh linh ngũ hành. Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã; cho nên lòng ham tiền, những mục đích không thanh khiết và những quan điểm ích kỷ, không thể thu hút loại tinh linh nào khác hơn cái mà môn đồ kinh Hebrew gọi là *klippoth*; tức là những kẻ cư trú ở *Asiah*, thế giới thứ tư, còn các nhà pháp thuật Đông phương gọi nó là *afrits*, tức loài âm binh gây lằm lạc nghĩa là *devs*.

Sau đây là cách thức một tờ báo Anh mô tả cái *mánh khéo* trồng cây làm người ta sững sờ do các nhà *sơn đông mãi võ* Ấn Độ biểu diễn.

"Giờ đây kẻ sơn đông mãi võ đặt một chậu hoa trống rỗng trên sàn nhà, y yêu cầu đồng bọn của mình được phép vun trồng một loại đất mùn ở vườn lấy từ luống đất nhỏ ở bên dưới. Khi được phép, người ta đi ra và chỉ hai phút sau đã quay lại với một số lượng nhỏ đất mới đào cột vào góc của cái khăn quàng, đất được đổ vào chậu hoa rồi hơi dầm nén xuống một chút. Sau khi lấy từ trong giỏ ra một hột xoài khô và chuyển nó vòng vòng qua tay cả đám để cho họ xem xét, hài lòng khi thấy rằng nó quả thật dường như giống như vậy thì kẻ sơn đông mãi võ moi một ít đất từ trung tâm của chậu hoa và đặt hột xoài vào cái hốc bị moi ấy. Thế rồi y hơi xới xới đất bên trên hốc ấy và sau khi đã đổ một chút nước lên trên bề mặt thì y che khuất mắt chậu hoa bằng một tấm vải phủ lên trên một tam giác nhỏ. Và bây giờ giữa tiếng đồng ca hào hứng có kèm theo tiếng trống cơm bập bùng, hột xoài bèn đâm chồi nảy mống; giờ đây một góc tấm vải được kéo sang một bên cho ta thấy một chồi cây mảnh mai được đặc trưng bởi hai chiếc lá dài có màu nâu đen. Tấm vải lại được điều chỉnh và thần chú lại bắt đầu. Tuy nhiên chẳng bao lâu trước khi tấm vải được vén lên lần thứ hai thì bây giờ ta thấy rằng hai cái lá đầu tiên đã nhường chỗ cho nhiều lá xanh và cái cây giờ đây đã mọc cao 2 tấc rưỡi, lần thứ ba thì cánh lá xum xuê hơn nhiều, cây con cao chừng 3 tấc, lần thứ tư ta có một cái cây thu nhỏ giờ đây cao chừng 4 tấc rưỡi có cả tá trái xoài kích thước cỡ bằng trái hạnh đào treo lủng lẳng trên cành. Cuối cùng, sau khoảng thời gian 3 – 4 phút thì tấm vải bị gỡ bỏ đi hoàn toàn và trái cây đã đạt tới kích thước hoàn chỉnh mặc dù chưa chín muồi, được hái xuống và trao cho khán giả; khán giả nếm trái cây và thấy nó đã gần chín, có vị chua chua ngọt ngọt".

Chúng tôi có thể nói thêm rằng chúng tôi đã chứng kiến cuộc thí nghiệm giống như thế ở Ấn Độ và Tây Tạng, có nhiều lần bản thân chúng tôi cung cấp chậu hoa bằng cách đổ hết đi vật chứa bên trong một cái hộp thiếc cũ chứa một số tinh chất hóa học Liebig nào đó. Chúng tôi tự tay đổ đất vào đầy hộp và trồng trong đó một cái rễ cây nhỏ mà nhà ảo thuật trao cho chúng tôi; cho tới khi chấm dứt cuộc thí nghiệm thì chúng tôi chưa lần nào rời mắt ra khỏi cái chậu hoa được đặt *ngay trong phòng chúng tôi*. Kết quả luôn luôn giống như điều mô tả ở trên. Liệu bạn đọc có thể tưởng tượng được rằng bất cứ nhà ảo thuật nào cũng có thể tạo ra màn trình diễn giống như thế trong tình huống tương tự?

Nhà bác học Orioli, Viện sĩ Thông tấn của Bác học Viện Pháp có đưa ra một số ví dụ cho thấy những tác dụng màu nhiệm mà quyền năng ý chí tạo ra khi tác động lên Nguyên thể thiên biến vạn hóa vô hình của các nhà thôi miên mesmer. Ông bảo rằng: "Tôi đã thấy có một số người chỉ cần tuyên đọc một vài từ ngữ mà có thể chặn đứng được những con bò mộng hoang và những con ngựa cảm đầu chạy hết tốc lực, và khiến cho mũi tên đang xé không khí phải bị khựng lại khi bay tới". Thomas Bartholini cũng khẳng định điều giống như thế.

Du Potet có nói: "Khi tôi dùng phấn hoặc than củi vẽ cái hình này lên trên sàn nhà . . . thì một loại *lửa* hoặc *ánh sáng* bèn gắn chặt vào đó. Chẳng bao lâu sau nó thu hút được người nào đến gần nó; nó giữ chặt và mê hoặc được y . . . Y

thật hoài công khi muốn băng qua đường vẽ ấy. Một *ma lực* bắt buộc y phải đứng im phẳng phắc. Chỉ vài khoảnh khắc sau thì y bèn chào thua và òa khóc nức nở. . *Nguyên nhân không phải ở nơi tôi, mà nơi cái dấu hiệu hoàn toàn thuộc kinh Kabala này, bạn có dùng bạo lực thì cũng hoài công thôi*^[1].

Trong một loạt những thí nghiệm nổi bật do Regazzoni thực hiện khi có mặt một số y sĩ nổi tiếng người Pháp ở Paris vào ngày 18 tháng 5 năm 1856, có một đêm họ tụ tập lại với nhau và Regazzoni dùng ngón tay vạch một đường tưởng tượng lên trên sàn nhà và ông tiến hành một vài thủ pháp nhanh gọn lướt qua đường vẽ ấy. Người ta nhất trí với nhau rằng các đối tượng bị thôi miên mesmer (được các nhà khảo cứu và ủy ban chọn lựa làm thí nghiệm và tất cả đều xa lạ đối với y) đều được bị bịt mắt đẩy vào phòng, được yêu cầu đi về phía đường vẽ mà không ai thốt nên một lời biểu thị việc người ta trông mong gì nơi họ. Các đối tượng tiến lên mà chẳng chút nghi ngờ cho tới lúc họ đi đến hàng rào vô hình thì theo như lời mô tả khi: "*Bàn chân họ dường như thể đột nhiên bị ai túm lấy và đóng đinh tán* gắn chặt vào nền đất trong khi cơ thể họ bị kéo về phía trước do xung lực nhanh chóng của chuyển động bèn ngã xuống và đập vào sàn nhà. Chân họ đột nhiên bị cứng lại giống như chân của xác chết ướp đông và gót chân họ bị bám rễ vào cái đường vẽ chết người ấy một cách chính xác như toán học"

^[2] .

Trong một thí nghiệm khác thì người ta nhất trí rằng khi một trong các y sĩ đưa ra một dấu hiệu nào đó bằng cách liếc mắt thì cô gái bị bịt mắt phải bị ngã xuống đất như thể bị sét đánh do tác dụng của lưu chất từ khí mà ý chí của Regazzoni phóng phát ra. Cô ta được đặt cách xa nhà từ điển, khi người ta ra dấu hiệu thì ngay tức khắc đối tượng bị ngã xuống đất mà không có một lời nào được thốt ra hoặc một cử chỉ nào được thực hiện. Một trong các khán giả bất giác thò tay ra như thể định túm lấy cô, nhưng Regazzoni với một giọng vang vang kêu thét lên rằng: "Đừng có chạm vào cô ấy! Cứ để cho cô té xuống đi; một đối tượng bị từ điển hóa không bao giờ bị tổn thương khi té xuống". Khi kể lại câu chuyện này Des Mousseaux bảo rằng: "đá hoa cương còn không cứng bằng thân thể cô ta; đầu cô không chạm xuống đất; một trong các cánh tay của cô còn duỗi ra ngoài không khí; một trong các cẳng chân của cô gơ lên còn cẳng chân kia thì ở tư thế nằm ngang. Cô vẫn giữ tư thế không tự nhiên như vậy trong một thời gian vô hạn. Một pho tượng bằng đồng thau còn ít cứng rắn hơn cơ thể của cô"^[3].

Mọi tác dụng mà ta chứng kiến trong những thí nghiệm của các diễn giả trước công chúng bàn về thuật thôi miên mesmer đều được Regazzoni thực hiện đến mức hoàn hảo và không hề nói ra một lời nào biểu thị điều mà đối tượng cần phải làm. Ông thậm chí còn dùng ý chí lặng lẽ của mình để tạo ra những tác dụng đáng kính phục nhất đối với hệ thống vật thể của những người mà ông hoàn toàn không biết. Những mệnh lệnh mà Ủy ban thì thảo vào tai của Regazzoni được các đối tượng tuân theo tức khắc, các đối tượng này tai thì bị nhét bông gòn còn mắt thì bị bịt kín. Hơn nữa trong một số trường hợp thậm chí Ủy ban cũng chẳng cần diễn tả cho nhà thao tác từ điển nghe điều mà mình muốn vì những điều thỉnh cầu ngay trong tâm trí của họ được chiều theo một cách hoàn toàn trung thực.

Regazzoni có thực hiện những cuộc thí nghiệm với tính cách tương tự ở Anh; cách xa 300 bước chân đối với đối tượng được tiến cử cho ông. *Jettatura*, tức con mắt gian tà chẳng qua chỉ là việc điều động cái lưu chất vô hình nạp đầy ý chí ác

^[1] Vén màn bí mật của Pháp thuật, trang 147.

^[2] Pháp thuật vào thế kỷ XIX, trang 268.

^[3] Như trên.

độc và lòng hận thù hướng từ người này sang người kia và được phóng ra với mục đích làm hại người khác. Nó cũng có thể được dùng cho mục đích thiện lẫn mục đích ác. *Trong trường hợp hảo ý thì đó là pháp thuật còn trong trường hợp có ác ý thì đó là thuật phù thủy.*

Ý CHÍ là gì? Liệu “khoa học chính xác” có thể nói gì về điều này? Đây là bản chất của cái điều gì đó thông tuệ, vô hình và đầy quyền năng vốn thống trị mọi vật chất trớ. Ý niệm Vũ trụ vĩ đại chỉ cần muốn là vũ trụ bước vào tồn tại. Tôi *muốn*, thế là tay chân tôi vâng lời. Tôi *muốn*, thế là tư tưởng của tôi băng ngang qua không gian (không gian không hề tồn tại đối với tư tưởng) bao trùm lấy cơ thể của một cá nhân khác không phải là một bộ phận của cơ thể tôi, xuyên thấu qua các lỗ chân lông của y, thay thế cho các năng lực của y (nếu năng lực của y yếu kém hơn), cưỡng chế y hành động theo điều đã được định trước. Nó tác động giống như lưu chất của một pin điện đối với tay chân của một xác chết. Những hiệu ứng bí nhiệm hút và đẩy chính là các tác nhân *vô ý thức* của ý chí ấy; sự mê hoặc (giống như ta thấy một số con thú vận dụng, chẳng hạn như con rắn đối với con chim) là một tác động *hữu thức* của nó và là kết quả của tư tưởng. Sáp để niêm phong, thủy tinh và hồ phách khi bị cọ sát (nghĩa là khi ẩn nhiệt vốn tồn tại trong mọi chất đã được khơi hoạt) hút được các vật thể nhẹ; chúng đã vận dụng *ý chí* một cách vô ý thức. Đó là vì vật chất vô cơ cũng như vật chất hữu cơ đều có nơi bản thân một chút bản thể *thiên liêng* cho dù nó có thể nhỏ đến đâu đi chăng nữa. Và làm sao mà nó có thể khác hơn thế được? Mặc dù trong diễn trình tiến hóa, từ đầu chí cuối nó có thể phải trải qua hằng triệu hình tướng khác nhau thì bao giờ nó cũng giữ lại được cái chủng tử của *vật chất bản sơ* ấy, vốn là biểu lộ nguyên sơ và phân thân của Đấng Thiên Liêng. Vậy thì cái khả năng hút mà người ta không thể giải thích được ấy liệu có thể là gì nếu không phải là một phần cực vi của cái bản thể mà các nhà khoa học và các môn đồ kinh Kabala đều cùng nhau công nhận là “nguyên sinh khí” tức *akasa*? Cứ cho rằng sức hút mà các vật thể như thế vận dụng có thể là mù quáng, nhưng khi chúng ta thăng lên cao hơn trên cái thang sinh linh hữu cơ của thiên nhiên thì ta lại thấy nguyên sinh khí này phát triển ra được những thuộc tính và năng lực vốn trở nên xác định hơn và nổi bật hơn đối với mỗi nấc thang của cái thang vô tận. Con người, vốn là sinh linh có tổ chức hoàn hảo nhất trên trần thế – vật chất và tinh thần nghĩa là *ý chí* đã phát triển và có nhiều quyền năng nhất nơi y – chỉ được phép cung cấp một xung lực hữu thức cho cái nguyên khí ấy vốn xuất phát từ y và cũng chỉ có y mới có thể truyền thụ cho lưu chất từ khí ấy những xung lực đối nghịch và đủ thứ xung lực không bị hạn chế về phương hướng. Du Potet có nói: “Ý muốn và vật chất có tổ chức tuân lệnh. Nó không có cực”.

Trong tác phẩm *Bàn về Ảo giác*, bác sĩ Brierre de Boismont có duyệt lại đủ thứ linh ảnh, sự hiện hình và sự xuất thần tuyệt vời mà người ta thường gọi là ảo giác. Ông bảo rằng: “Chúng ta không thể chối bỏ được rằng trong một vài bệnh tật, ta thấy có phát triển sự kích động rất nhiều tính nhạy cảm, nó khiến cho các giác quan có một sự bén nhạy kỳ diệu về mặt nhận thức. Do đó, một số cá nhân nhận thức được ở những khoảng cách khá xa, những người khác loan báo việc người ta đang đi tới gần mà những người này thật ra đang trên đường đi mặc dù những người có mặt không thể nào nghe thấy hoặc trông thấy người ta đi tới”.^[1]

^[1] Bierre de Boismont, tác phẩm *Bàn về Ảo giác* tức *Lịch sử đầy lý tính về các sự hiện hình, các giấc mơ, các linh ảnh, sự xuất thần và từ điển*, xuất bản năm 1845, trang 301 (ấn bản tiếng Pháp). Xem thêm tác giả Fairfield, tác phẩm “Mười năm trà trộn trong đám Đồng cốt”.

Một bệnh nhân tình tảo nằm trên giường loan báo thấy có người tới thăm mình thì y ắt phải có *sự thấu thị xuyên tường* và năng lực này bị Bierre de Boismont gọi là *ảo giác*. Vì dốt nát, cho nên mãi đến nay chúng ta vẫn ngây thơ giả định rằng để được gọi đúng mức là *ảo giác* thì linh ảnh phải mang tính chủ quan nội giới. Nó ắt chỉ tồn tại trong bộ óc mê sảng của bệnh nhân thôi. Nhưng nếu bệnh nhân loan báo có người tới viếng thăm đang cách xa hàng dặm đường và người này quả thật đến đúng lúc được *nhà thấu thị* tiên tri thì linh ảnh của y đâu còn mang tính chủ quan nội giới nữa mà ngược lại hoàn toàn khách quan thuộc *ngoại giới* vì y thấy được người ấy đang đi tới. Và làm thế nào mà bệnh nhân có thể thấy được (xuyên qua các vật thể rắn chắc và không gian) một vật thể bị che khuất khỏi tầm nhìn của kẻ phạm phu, nếu y không vận dụng mắt *tâm linh* (thần nhãn) vào dịp đó. Sự trùng hợp ngẫu nhiên ư?

Cabanis có nói tới một số bệnh thần kinh trong đó bệnh nhân dễ dàng dùng mắt trần để phân biệt được loài trich trùng và những sinh vật có kích cỡ hiển vi khác mà người khác chỉ có thể nhận thức được bằng những kính có độ phóng đại lớn. Ông bảo rằng "tôi đã gặp những đối tượng thấy rõ trong bóng đêm U minh cũng giống hệt như trong căn phòng được chiếu sáng" . . . Có những người khác theo sát nút được thiên hạ, truy tìm dấu vết của thiên hạ giống như những con chó và đánh hơi nhận ra được những vật thể thuộc về người đó hoặc thậm chí chỉ bị người đó sờ vào thôi; họ làm như thế với sự miễn tiện mà cho đến nay ta chỉ quan sát được nơi loài thú" ^[1]

Đúng như vậy, vì Cabanis có nói rằng lý trí chỉ phát triển được bằng cách làm hại và làm mất đi bản năng tự nhiên; lý trí là một Vạn lý trường thành từ từ mọc lên trên mảnh đất nguy biến và cuối cùng che khuất nhận thức tâm linh của con người mà bản năng là một trong những ví dụ quan trọng nhất. Khi đạt tới một giai đoạn nào đó của sự kiệt sức về thể chất, khi tâm trí và năng lực lý luận dường như bị tê liệt do thể xác bạc nhược và kiệt quệ thì bản năng là đầu mối tâm linh của năm giác quan mới nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy, nếm thấy và ngửi thấy mà không bị thời gian hoặc không gian cản trở. Bạn biết gì về những giới hạn chính xác của tác động tâm trí? Làm thế nào một y sĩ có thể đảm đương việc phân biệt được các giác quan tưởng tượng với các giác quan có thực nơi một người có thể sống một sinh hoạt tâm linh trong một cơ thể bị kiệt quệ sinh lực thông dụng đến nỗi nó thật sự không thể cản trở linh hồn *rịn ra* khỏi ngục tù của nó?

Ánh sáng thiêng liêng – linh hồn nhận thức các sự vật quá khứ, hiện tại và vị lai thông qua đó mà không bị vật chất cản trở, như thể các tia sáng được tập trung vào một tấm gương – cái tia chớp gây chết người được phóng ra trong một lúc giận dữ điên cuồng hoặc vào lúc tốt đỉnh thù ghét nung nấu lâu dài, sự ban phúc thoả qua do một tâm hồn đầy hảo ý hoặc lương thiện và lời nguyện rửa được trút xuống một đối tượng – dù là kẻ xúc phạm hay nạn nhân – tất cả đều phải đi bằng qua cái tác nhân đại đồng vũ trụ ấy mà khi chịu một xung lực này thì đó là thần khí của Thượng Đế, còn khi chúng chịu một xung lực khác thì đó là nọc độc của ma quỷ. Nam tước Reichenbach đã *phát hiện* ra nó và gọi nó là OD (ta cũng chẳng biết là cố tình hay vô ý) nhưng nó mang một tên gọi đặc thù đến nỗi đã được chọn dùng và đề cập tới trong hầu hết các sách cổ truyền của kinh Kabala .

Bạn đọc chắc sẽ thắc mắc, vậy thì cái *tổng thể* vô hình này là gì. Làm thế nào mà các phương pháp khoa học của ta cho dù hoàn hảo đến đâu đi nữa cũng

^[1] Cabanis, luận trình thứ bảy: "Bàn về Ảnh hưởng của Bệnh tật đối với việc Tạo nên các Ý tưởng", v.v. . . Một nhà lập pháp khả kính ở New York có được năng lực này.

chưa bao giờ phát hiện ra được bất kỳ tính chất pháp thuật nào bao hàm trong đó? Chúng tôi xin trả lời thắc mắc này như sau: Chẳng lẽ chỉ vì các nhà khoa học hiện đại không biết tới chúng mà nó lại không thể có được mọi tính chất do các triết gia thời xưa phú cho nó. Ngày nay khoa học bác bỏ nhiều điều để rồi đến ngày mai nó có thể thấy mình bắt buộc phải chấp nhận những điều ấy. Cách đây chưa đầy một thế kỷ, Hàn lâm viện chối bỏ điện của Franklin và ngày nay ta hầu như chẳng thấy một căn nhà nào mà trên mái không có một cột thu lôi dẫn điện. Khi nhắm bắn vào cửa vừa thóc khoa học, Hàn lâm viện lại bắn hụt chính cái vừa thóc ấy. Các nhà khoa học hiện đại do ngoan cố đa nghi và cố tình lờ đi vì biết quá nhiều cho nên họ rất thường làm như thế.

Emepht, nguyên thể ban sơ, tối cao tạo ra một quả trứng; khi nó ấp ủ quả trứng ấy và dùng bản thể làm linh hoạt của chính mình để thẩm nhuần chất liệu của quả trứng thì mầm mống chứa bên trong được phát triển; và *Phtha* (nguyên thể sáng tạo hoạt động) thoát thai từ đó và bắt đầu công trình của mình. Từ sự bành trướng vô biên của vật chất vũ trụ vốn được tạo ra do thần khí hoặc *ý chí* của nó, vật chất vũ trụ này – ánh sáng tinh tú, hậu thiên khí, æther, lửa sương mù, nguyên sinh khí, ta gọi nó là gì cũng chẳng quan trọng – nguyên thể sáng tạo này (hoặc luật tiến hóa theo cách gọi của triết học hiện đại) do phát động các mãnh lực tiềm tàng bên trong mình đã tạo thành các mặt trời, ngôi sao và các vệ tinh, đã kiểm soát được vị trí của chúng theo luật hài hòa bất di bất dịch và lấp đầy chúng “bằng mọi hình tướng và phẩm chất sự sống”. Trong thần thoại học của Đông phương thời xưa, thần thoại vũ trụ khởi nguyên luận nêu rõ rằng chỉ có nước (cha) và bùn nhớt để sinh sôi nảy nở (mẹ, *Ilus* tức *Hylè*) từ đó con rắn thể tục *vật chất* mới bò ra được. Đó là thần *Phanes*, thần được khai huyền, Linh từ tức *Ngôi Lời*. Ta có thể dễ dàng suy ra việc người ta sẵn lòng chấp nhận thần thoại này (kể cả các Ki Tô hữu biên soạn Tân Ước) do sự kiện sau đây: *Phanes* tức thần được khai huyền trong biểu tượng con rắn, được biểu diễn là *protogonos* tức là một sinh linh có những cái đầu là một con người, một con điều hâu hoặc một con chim ưng, một con bò mộng – *taurus* và một con sư tử hai bên có cánh. Những cái đầu có liên quan tới hoàng đạo và tiêu biểu cho bốn mùa trong năm vì con rắn *trần tục* là năm *trần thế* trong khi bản thân con rắn là biểu tượng của *Kneph*, tức đấng thiêng liêng ẩn tàng *chưa được khai huyền* nghĩa là Đức Chúa Cha. Thời gian vốn có cánh, cho nên con rắn được biểu diễn bằng đôi cánh. Nếu chúng ta nhớ rằng mỗi một trong bốn nhà phúc âm đều được biểu diễn là có bên cạnh mình một trong những con thú được mô tả – tụ tập lại trong tam giác của Solomon nơi hình sao năm cánh của Ezekiel và ta thấy có nơi bốn vị thiên thần cherubs tức con nhân sư của mái vòm linh thiêng – thì có lẽ chúng ta mới hiểu được mật nghĩa cũng như lý do tại sao các Ki Tô hữu thời sơ khai lại chọn dùng biểu tượng này; và làm thế nào mà tín đồ Công giáo La mã thời nay cũng như tín đồ Hi Lạp của Giáo hội Đông phương vẫn còn biểu diễn những con thú này trong những bức tranh của các nhà phúc âm đôi khi có kèm theo bốn quyển *Phúc âm*. Chúng ta ắt cũng sẽ hiểu được tại sao Irenæus, Giám mục ở Lyon, lại khẳng khái đòi cần có phúc âm *thứ tư*; đưa lý do là không thể có ít hơn bốn phúc âm vì trên thế giới có *bốn* đời và bốn luồng gió chính xuất phát từ bốn phương v.v. .^[1]

Theo một trong các thần thoại của Ai Cập thì hình tướng ma của hòn đảo Chemmis (*Chemi* là cổ Ai Cập) trôi nổi trên đợt sóng tinh anh của thiên cầu được Horus Apollo, thần thái dương tạo dựng nên, ngài khiến cho nó được triển khai ra từ quả trứng trần tục.

^[1] Irenæus, quyển III, Chương II, Tiết 8

Trong bài thơ vũ trụ khởi nguyên luận *Völuspá* (bài hát của nữ tiên tri) vốn bao hàm các huyền thoại Bắc Âu từ những thời xa xưa, mầu mống ma của vũ trụ được biểu diễn là ở nơi *Ginnugagap* tức là cái chén hão huyền, một vực thẳm trống rỗng và vô biên. Trong cái khuôn của thế giới này xưa kia vốn là một vùng của đêm tối và cô tịch. Nebelhiem (nơi chốn sương mù) nhỏ xuống một tia sáng nguội (hậu thiên khí) æther, nó làm tràn đầy cái tách và bị đông cứng lại trong đó. Thế rồi Đấng Vô Hình thổi một luồng hơi cháy bỏng làm tan nước bị đông giá ra và xua tan sương mù. Nước này được gọi là dòng nước *Elivāgar* được chưng cất thành những giọt làm linh hoạt; những giọt này rơi xuống tạo thành trái đất và người khổng lồ *Ymir*, y chỉ "giống như con người" thôi (nguyên khí hùng) được sáng tạo ra kèm với y là con bò cái *Audhumla* (nguyên khí thư) ^[1], từ cái vú của nó tuôn ra bốn dòng sữa ^[2] vốn lan tràn khắp không gian (ánh sáng tinh tú xét theo phân thân thuần khiết nhất). Con bò cái *Audhumla* tạo ra một thực thể *cao cấp* tên là *Bur* đẹp trai và đầy quyền năng bằng cách liếm những tảng đá được che phủ bằng *muối khoáng*.

Thế mà nếu ta xét thấy rằng các triết gia thời xưa đều nhất tề coi khoáng vật này là một trong những nguyên thể tạo dựng chính yếu trong sự sáng tạo hữu cơ; các nhà luyện kim đan coi nó là dung môi vũ trụ mà họ bảo rằng phải được điều chế từ nước; mọi người khác ngay cả khoa học hiện đại cũng như trong quan niệm dân gian đều coi nó là thành phần cấu tạo thiết yếu cho con người và con thú; nếu xét như vậy thì ta có thể dễ dàng hiểu được minh triết ẩn tàng trong ẩn dụ này về sự sáng tạo ra con người. Paracelsus gọi muối là "trung tâm của nước" v.v. . . , còn Van Helmont gọi nó là *Alkahest*, muối thành công nhất trong mọi thứ muối.

Trong *Phúc âm theo thánh Matthew*; Chúa Giê su có dạy: "Các con là *muối của đất*, nhưng nếu muối mất đi hương vị của nó thì nó sẽ được ướp mặn bằng cái gì?" Và nối tiếp dụ ngôn này ngài còn nói thêm: "Các con là *ánh sáng* của thế giới" (V, 14). Điều này còn hơn là một ẩn dụ nữa; những lời lẽ ấy nêu ra một ý nghĩa trực tiếp và không hàm hồ liên quan tới cơ thể tâm linh và vật lý của con người xét theo bản chất lưỡng bội; hơn nữa nó cho thấy một kiến thức về "giáo lý bí nhiệm" mà những vết tích trực tiếp của nó ta cũng tìm thấy nơi những truyền thuyết xưa nhất thời nay cũng như thời xưa, trong cả Cựu Ước lẫn Tân Ước và trong tài liệu của các nhà thần bí và triết gia thời xưa cũng như thời trung cổ.

Nhưng ta hãy trở lại với huyền thoại trong tác phẩm *Edda*. Người khổng lồ *Ymir* ngủ thiếp đi và toát mồ hôi dầm dề. Việc toát mồ hôi này khiến cho nách trái của y sinh ra từ nơi đó một người đàn ông và một người đàn bà, còn bàn chân của y sinh ra một đứa con trai cho họ. Như thế, trong khi "con bò cái" thần thoại sinh ra một giống người tâm linh thượng đẳng thì người khổng lồ *Ymir* lại sinh ra một giống người đồi bại và ác độc, *Hrimthursen*, tức là những người khổng lồ sương giá. Khi so sánh thông điệp này với kinh *Phệ đà* của Ấn độ thì ta thấy đó cũng chính là huyền thoại vũ trụ khởi nguyên luận về thực chất và chi tiết chỉ thay đổi chút ít. Ngay khi *Bhagaveda* (Thượng Đế Tối Cao) phú cho *Brahma* quyền năng sáng tạo thì *Brahma* bèn tạo ra các sinh linh thoát đầu mang tính

^[1] Con bò cái là biểu tượng của sự sinh sản mẫn con và bản chất trí năng. Nó thật linh thiêng đối với thần Isis ở Ai Cập; đối với Christna ở Ấn Độ và đối với vô số các nam thần và nữ thần khác, nhân cách hóa đủ thứ quyền năng tạo tác của thiên nhiên. Tóm lại con bò cái được coi là hiện thân của bà mẹ vĩ đại của vạn hữu, cả của người phàm lẫn chư thiên. Sản sinh ra vạn vật mang tính vật thể và tâm linh.

^[2] Trong Sáng thế ký, con sông ở vườn địa đàng bị chia chẻ "và trở thành bốn cái đầu". (Sáng thế ký, ii, 5)

cách tâm linh. Các Dejotas vốn là cư dân Surg (cõi thiên giới) cho nên không thích hợp để sống trên trần thế, do đó Brahma sáng tạo ra Daints (những người khổng lồ trở thành cư dân ở Patals, các vùng thấp trong không gian) vốn cũng không thích hợp ở nơi Mirtlok (trái đất). Để xoa dịu bớt sự tà vạy ấy, quyền năng sáng tạo bèn triển khai *từ miêng mình* ra người Bà la môn đầu tiên, thế là trở thành tổ tiên của giống người chúng ta. Brahma tạo ra chiến sĩ Raettris từ tay phải của mình và tạo ra Shaterany (vợ của Raettris) từ tay trái của mình. Thế rồi con trai của họ là Bais nảy sinh ra từ bàn chân phải của tạo hóa, còn vợ y là Basany sinh ra từ bàn chân trái. Trong khi nơi huyền thoại Bắc Âu, Bur (con trai của con bò cái Audhumla) là một sinh linh *cao cấp* cưới Besla, là một con gái thuộc giống người khổng lồ đời trụy thì trong truyền thuyết Ấn độ, người Bà la môn đầu tiên cưới Daintary cũng là một con gái của giống người khổng lồ; và trong *Sáng thế ký*, ta thấy các con trai của Thượng Đế cưới con gái của người làm vợ và cũng tạo ra những người dũng mãnh thời xưa; toàn thể điều này xác lập sự đồng nhất về nguồn gốc không còn nghi ngờ gì nữa giữa các Thánh thư linh hứng của Ki Tô giáo và các truyện “hoang đường” ngoại đạo ở Bắc Âu và Hindustan. Nếu ta khảo sát kỹ thì ắt thấy truyền thuyết của hầu hết mọi quốc gia khác đều cho ta một kết quả giống như vậy.

Làm thế nào mà nhà vũ trụ khởi nguyên luận hiện đại lại có thể dồn nén trong một biểu tượng đơn giản (chẳng hạn như con rắn Ai Cập trong một vòng tròn) một thể giới ý nghĩa giống như vậy? Ở đây nơi tạo vật này ta có trọn cả triết lý vũ trụ: vật chất được tinh thần làm cho linh hoạt và cả hai tiến hóa ra từ hỗn mang (lực) mọi thứ phải được tồn tại. Để ngụ ý các nguyên tố đều được gói chặt trong vật chất vũ trụ mà con rắn này là biểu tượng, người Ai Cập thắt đuôi nó lại *thành một cái nút*.

Có một biểu hiệu quan trọng hơn liên quan tới việc lột da con rắn mà theo như chúng tôi biết thì từ trước tới nay chưa bao giờ được các nhà biểu tượng học lưu ý. Cũng như con bò sát khi lột da ra bèn thoát khỏi lớp vỏ vật chất thô trước vốn cấu trúc một cơ thể đã tăng trưởng quá lớn so với lớp vỏ và tồn tại trở lại với một hoạt động đổi mới; cũng vậy, *con người khi lột bỏ cơ thể vật chất thô trước bèn nhập vào giai đoạn tồn tại kế tiếp với những quyền năng mở rộng và sinh lực được khơi hoạt*. Ngược lại, các môn đồ kinh Kabala người Chaldea cho ta biết rằng người bản sơ trái nghịch với thuyết của Darwin lại thanh khiết hơn, minh triết hơn và có tính cách tâm linh nhiều hơn so với sự trình bày qua thần thoại về người Bur của Bắc Âu, về Dejotas của Ấn Độ và “các con Thượng Đế” thời thánh Moses – tóm lại là có bản chất cao siêu hơn hẳn con người thuộc giống dân Adam hiện nay đã trở nên *giảm bớt phần tâm linh* hoặc bị ô nhiễm do vật chất. Thế rồi lần đầu tiên nó được cấp cho một *cơ thể bằng xương bằng thịt* vốn được tiêu biểu trong *Sáng thế ký* qua câu thơ có ý nghĩa sâu sắc như sau: “Đức Chúa Trời *tạo ra những lớp áo bằng da* cho Adam cũng như cho vợ của y và mặc áo cho họ”^[1]. Nếu các nhà bình luận không biến Nguyên nhân Bản sơ thành ra một *người thợ may trên thiên giới* thì những lời phi lý theo biểu kiến như trên phỏng còn có nghĩa là gì. Nếu không phải là việc do quá trình tiến hóa giáng hạ, Chơn Nhơn đã đạt tới mức mà vật chất chiếm ưu thế và chinh phục được tinh thần, biến y thành con người vật thể tức là Adam thứ nhì trong Chương 2 của *Sáng thế ký*.

Giáo lý của kinh Kabala này còn được bày tỏ nhiều hơn nữa trong Thánh thư Jasher^[2]. Ở chương vii, Noah lấy những cái áo bằng da này vào trong chiếc bè,

^[1] Sáng thế ký, iii. 21.

^[2] Người ta cho rằng đây là một trong những quyển sách còn thiếu của bộ giáo luật linh thiêng của Do Thái giáo được đề cập tới trong các thánh thư Joshua và Samuel II. Nó

ông đã thu lượm chúng do được thừa kế của Methuselah và Enoch, những người này lại thừa kế của Adam và vợ của ông. Ham ăn cắp chúng từ cha của mình là Noah; rồi "bí mật" trao cho Cush, y giấu giếm không cho con trai và anh em mình biết rồi chuyển chúng cho Nimrod.

Trong khi một số môn đồ kinh Kabala và ngay cả các nhà khảo cổ học đều bảo rằng "Adam, Enoch và Noah xét theo dáng vẻ bên ngoài có thể là những người khác nhau nhưng thật ra đều là con người thiêng liêng y hệt như vậy" ^[1]. Những người khác giải thích rằng giữa thời Adam và Noah có chen vào nhiều chu kỳ. Điều này có nghĩa là mọi vị tộc trưởng thời tiền hồng thủy đều là đại diện cho một giống dân giữ địa vị trong một loạt các chu kỳ liên tiếp, và mỗi giống dân này lại kém phần tâm linh hơn giống dân tiền bối. Như vậy Noah, mặc dù là một hiền nhân cũng không sánh với tổ tiên của mình là Enoch vốn "kề vai sát cánh với Thượng Đế và không chết". Vì thế cho nên lời thuyết giải ẩn dụ khiến cho Noah có được lớp áo bằng da do kế thừa Adam thứ nhì và Enoch nhưng lại không mặc lớp áo ấy, vì nếu khác đi thì Ham đâu có thể ăn cắp được nó. Nhưng Noah và đám con cái đã vượt qua trận lụt; và trong khi Noah thuộc về thế hệ xưa thời tiền hồng thủy vẫn còn mang tính cách tâm linh xét vì ông được tuyển lựa trong khắp cả loài người nhờ sự thanh khiết của mình, thì đám con cái của ông lại thuộc thời kỳ *hậu* hồng thủy. Lớp áo da mà Cush "bí mật" mặc – nghĩa là khi bản chất tâm linh của y bắt đầu bị vật chất làm cho ô nhiễm – được đặt lên Nimrod, con người vật thể mạnh mẽ nhất và nhiều quyền năng nhất ở phía bên này trận lụt, là di tích cuối cùng của những người khổng lồ tiền hồng thủy ^[2].

Trong huyền thoại Bắc Âu, người khổng lồ Ymir bị con của Bur giết chết và máu chảy xối xả ra từ vết thương của ông tạo thành trận lụt nhấn chìm trọn cả giống người khổng lồ bằng tuyết và sương giá; trong giống người đó chỉ có Bergelmir và vợ là được cứu sống do tị nạn trên một cái bè, sự kiện này khiến cho y có thể lưu truyền được một nhánh mới những người khổng lồ từ dòng dõi xưa cũ. Nhưng mọi đứa con của Bur đều không bị trận lụt đụng tới ^[3].

Khi ta vén màn bí mật được biểu tượng hệ của huyền thoại hồng thủy này, thì ta nhận thức được chân ý nghĩa của ẩn dụ. Người khổng lồ Ymir tiêu biểu cho *vật chất* hữu cơ thô thiển ban đầu, lực vũ trụ mù quáng ở trạng thái hỗn mang trước khi chúng tiếp nhận xung lực thông tuệ của Tinh thần Thiêng liêng khiến cho chúng chuyển động đều tùy thuộc vào các định luật bất di bất dịch. Con cái của Bur là các "con của Thượng Đế", tức các thần linh thứ yếu mà Plato có đề cập tới trong tác phẩm *Timæus*, ông diễn tả rằng các thần linh này được phó thác cho việc sáng tạo ra con người; đó là vì ta thấy các thần linh mang các di tích bị xấu đi của Ymir tới tận vực sâu hỗn mang Ginnunga-gap và dùng chúng để tạo ra thế giới của ta. Máu của y góp phần tạo nên các đại dương và sông ngòi, xương của y tạo nên các núi non, răng của y tạo nên các vách đá và tảng đá, tóc của y tạo nên cây cối v.v. . . ; trong khi sọ của y tạo nên vòm trời được chống đỡ bởi bốn cột trụ tiêu biểu cho bốn phương chính. Chỗ ở tương lai của con người tức Midgard được tạo ra từ lông mày của Ymir. Tác phẩm *Edda* có nói để mô tả chính xác về mọi chi tiết tỉ mỉ thì ta phải quan niệm rằng nơi chốn này (quả đất) *tròn*

được Sidras (một viên chức của Titus phát hiện ra trong trận cướp phá thành Jerusalem, nó được xuất bản ở Venice vào thế kỷ thứ 17 theo lời trích dẫn trong phần nói đầu của Hội nghị Cơ mật của các giáo sĩ Do Thái; nhưng các giáo sĩ Do Thái thời nay cho rằng ấn bản của Mỹ cũng như ấn bản của Anh khét tiếng là bản giả mạo của thế kỷ thứ 12.

^[1] Xem Godfrey Higgins: "Anacalypsis", có trích dẫn Faber.

^[2] Xem "Những mảnh vụn Cổ truyền" của Cory. Mục BEROSUS.

^[3] Chúng tôi xin bạn đọc tham chiếu thêm các chi tiết trong "Tàn văn Edda" thuộc "Tác phẩm cổ tích phương Bắc" của Mallett.

như một cái vành hoặc một cái đĩa trôi nổi ở giữa Đại dương Thiên giới (chất Ether). Nó được bao quanh bởi Yörmungand tức là Midgard vĩ đại hoặc Con rắn Trái đất, ngậm cái đuôi trong miệng. Đây là con rắn trần tục, vật chất và tinh thần, là sản phẩm phối hợp và là phân thân của Ymir, vật chất thô thiển sơ khai cũng như thuộc tinh thần của các “con Thượng Đế” vốn tạo hình và sáng tạo ra mọi hình tượng. Phân thân này là ánh sáng tinh tú của các môn đồ kinh Kabala và là hậu thiên khí (æther) cho đến nay còn khả nghi và ít được biết tới tức là “tác nhân theo giả thuyết có tính đàn hồi rất lớn” của các nhà vật lý.

Ta có thể suy ra việc cổ nhân chắc hẳn xiết bao về giáo lý bản chất ba ngôi của con người cũng chính từ cái huyền thoại Bắc Âu về sự sáng tạo ra loài người. Theo *Völuspá*, Odin, Hönir và Lodur (vốn là tổ tiên của giống dân chúng ta) trong một cuộc dạo chơi trên bãi biển có tìm thấy hai cây gậy nổi lềnh bềnh trên sóng nước, “không có quyền năng và chưa có vận mệnh”. Odin phả nguyên sinh khí vào chúng, Hönir phú cho chúng linh hồn và sự vận động, Lodur phú cho chúng vẻ đẹp, ngôn ngữ, trực giác và thánh giác. Họ gọi người đàn ông là *Askr*, tro ^[1] và gọi người đàn bà là *Embla*, cây trần. Những người đầu tiên được đặt vào Midgard (vườn ở giữa, tức vườn địa đàng Eden) và thế là họ được kế thừa từ các đấng sáng tạo ra mình vật chất, tức sự sống vô cơ; tâm trí tức linh hồn; và tinh thần thuần khiết; vật chất tương ứng với cái bộ phận trong cơ cấu của họ bắt nguồn từ tàn tích của Ymir, vật chất của người khổng lồ; tâm trí bắt nguồn từ *Æsir* tức chư thần linh là con cháu của Bur, còn tinh thần bắt nguồn từ *Vanr*, tức đại biểu của tinh thần thuần khiết.

Một phiên bản khác của tác phẩm *Edda* cho thấy vũ trụ hữu hình của ta bắt nguồn từ bên dưới các nhánh cây xum xuê của cây trần tục Yggdrasill, tức cái cây có ba rễ. Bên dưới rễ thứ nhất là suối nguồn sự sống, Urdar; bên dưới rễ thứ nhì là giếng nước nổi tiếng Mimer, trong đó có vùi sâu Trí tuệ và Minh triết. Odin tức Alfadir, đòi được uống nước này; ngài có được nó nhưng thấy mình bắt buộc phải cầm cổ một con mắt để đổi lấy nó; trong trường hợp này con mắt là biểu tượng của Đấng thiêng liêng khai huyền ra qua minh triết nơi tạo vật của chính mình, vì Odin bỏ con mắt lại dưới đáy giếng sâu. Việc chăm sóc cây trần thế được phú thác cho ba trinh nữ (Norns tức Parcae) tên là Urdhr, Verdandi và Skuld – tức là Hiện tại, Quá khứ và Tương lai. Mỗi buổi sáng trong khi ấn định kỳ hạn của kiếp người, họ rút nước lên từ suối nguồn-Urdar và vẩy nước vào rễ cây trần thế để cho cây có thể sống được. Nhưng hơi tro bụi bốc ra tức Yggdrasill bèn ngưng tụ lại và rơi xuống trái đất chúng ta làm phát sinh và thay đổi hình tượng của mọi bộ phận thuộc vật chất vô tri vô giác. Cây này là biểu tượng của Sự Sống đại đồng vũ trụ, hữu cơ cũng như vô cơ, các phân thân của nó biểu diễn tinh thần vốn làm linh hoạt mọi dạng tạo vật; còn ba rễ của nó, một rễ vươn lên trời, rễ thứ nhì chạy tới nơi chốn của các nhà pháp thuật (những người khổng lồ ở trên *đỉnh núi cao*), còn rễ thứ ba bên dưới nó là suối Hvergelmir có con quái vật Nidhogg gặm nhấm, con này thường xuyên dẫn dắt con người vào đường lối ma quỷ. Người Tây Tạng cũng có cây trần thế của mình và huyền thoại về nó xa xưa đến mức chẳng ai biết nổi. Họ gọi nó là *Zampun*. Rễ đầu tiên trong ba rễ cây của nó cũng vươn lên tới tận trên trời, tới đỉnh núi cao nhất; rễ thứ nhì thọc xuống tới tận vùng dưới thấp; rễ thứ ba ở lưng chừng và hướng về phía Đông. Cây trần thế của người Ấn Độ là *Aswatha* ^[2]. Cành nhánh của nó là thành phần cấu tạo nên

^[1] Thật đáng lưu ý là trong tác phẩm “Popol-Vuh” của Mễ tây cơ, loài người được sáng tạo ra từ cây sậy và trong tác phẩm Hesiod nó được sáng tạo ra từ cây tần bì cũng giống như câu chuyện kể của Bắc Âu.

^[2] Xem tác phẩm “Triết học Phiếm thần” của Kanne.

thế giới hữu hình; còn các lá cây của nó là các *Mantras* trong kinh Phệ đà, là biểu tượng của vũ trụ xét về mặt trí thức hoặc đạo đức.

Ai nghiên cứu kỹ lưỡng các thần thoại về vũ trụ khởi nguyên luận trong tôn giáo cổ xưa mà lại không nhận thấy sự giống nhau nổi bật về quan niệm này dưới dạng công truyền cũng như tinh thần bí truyền, không chỉ là kết quả của sự trùng hợp ngẫu nhiên mà biểu lộ sự thiết kế đồng qui. Nó cho thấy rằng ngay trong những thời đại đã nằm khuất mắt ta do sương mù truyền thuyết không thể xuyên thấu được thì tư tưởng tôn giáo của loài người vẫn phát triển một cách đồng cảm, đồng dạng ở mọi nơi trên quả địa cầu. Kì Tô hữu gọi sự sùng bái thiên nhiên này về các sự thật ẩn tàng nhất là thuyết Phiếm thần. Nhưng nếu thuyết Phiếm thần, nó sùng bái và tiết lộ cho chúng ta Thượng Đế trong không gian chỉ dưới dạng ngoại giới khả hữu có thể được, tức là thiên nhiên hữu hình, nó triền miên nhắc nhở loài người về Đấng đã sáng tạo ra mình, và nếu một tôn giáo theo giáo điều của thần học chỉ cốt che giấu ngai hơn nữa không cho ta thấy được, thì điều nào sẽ thích ứng hơn với nhu cầu của loài người?

Khoa học hiện đại cứ khẳng định với thuyết tiến hóa; cũng vậy, lý trí con người cứ khẳng định với “giáo lý bí nhiệm”, và ý tưởng này được bổ chứng bởi các huyền thoại và thần thoại cổ truyền, thậm chí bởi những Thánh kinh nữa khi ta hiểu nó theo kiểu ý tại ngôn ngoại. Ta thấy một đóa hoa phát triển từ từ bắt nguồn nơi một nụ hoa và nụ hoa bắt nguồn từ hạt giống hoa. Nhưng ở đâu ra cái hạt giống hoa với mọi chương trình tiền định về sự biến hóa thể chất cùng với các lực vô hình (do đó mang *tính tâm linh*) vốn dần dần phát triển hình tướng, màu sắc và hương thơm của nó. Nội từ ngữ *tiến hóa* cũng đủ nói lên điều đó rồi. Mầm mống của giống người hiện nay phải tồn tại trước nơi tổ phụ của giống dân đó cũng như hạt giống (đóa hoa của mùa hè năm tới nằm ẩn tàng trong hạt giống đó) được phát triển trong bao nang của đóa hoa tổ phụ; đóa hoa tổ phụ có thể chỉ khác *chút ít* nhưng nó vẫn cứ phải khác con cháu tương lai của mình. Tổ tiên thời tiền hồng thủy của con voi và thằn lằn hiện nay có lẽ là loài khổng tượng và xà cảnh long; thế thì tại sao tổ tiên của giống người chúng ta lại không phải là những “người khổng lồ” trong kinh *Phệ đà*, *Völuspa* và *Sáng thế ký*? Trong khi chắc chắn là phi lý khi tin vào “sự biến hóa nòi giống” lại xảy ra theo một số quan niệm duy vật hơn của các nhà tiến hóa luận, thì cũng tự nhiên thôi khi ta nghĩ rằng mỗi giống loài, bắt đầu từ loài nhuyển thể và chấm dứt bằng con khỉ giống người, đã được biến đổi từ hình dạng riêng biệt và nguyên thủy của chính mình. Giả sử chúng ta chấp nhận rằng “con thú chỉ bắt nguồn cùng lắm là từ bốn tới năm tổ tiên”^[1] và ngay cả khi *tính toán sát sạt nhất* thì “mọi sinh linh hữu cơ đã từng sống trên *trái đất này* đều bắt nguồn từ một dạng nguyên thủy nào đó”^[2], chẳng ai ngoại trừ một nhà duy vật mù tịt (một kẻ hoàn toàn thiếu trực giác) có thể nghiêm chỉnh trông mong “trong tương lai xa xăm . . . tâm lý học sẽ dựa vào một nền tảng mới vốn cần phải đạt được mỗi quyền năng tâm trí và năng lực tinh thần theo thứ bậc”^[3].

Với vai trò là một sản phẩm của sự tiến hóa, con người thể chất có thể được phó mặc cho nhà khoa học chính xác. Ngoài y ra thì chẳng ai có thể soi sáng cho nguồn gốc *vật thể* của loài người. Nhưng chúng tôi phải dứt khoát chối bỏ không cho nhà duy vật có đặc quyền về vấn đề sự tiến hóa thông linh và tâm linh của

^[1] “Nguồn gốc các Chủng loài”, trang 484.

^[2] Như trên. Ta không thể chấp nhận từ ngữ cuối cùng này trừ phi ta chấp nhận “hình tượng nguyên thủy” đó là hình tượng cụ thể bản sơ mà tinh thần khoắc lấy trên cương vị là Đấng thiêng liêng được *khải huyền*.

^[3] Như trên, trang 488.

con người vì y và những năng lực cao nhất của y *không thể* chứng tỏ được một bằng chứng thuyết phục nào là mình “cũng là sản phẩm của sự tiến hóa giống như loài cây cỏ khiêm tốn nhất hoặc loài sâu bọ thấp thỏi nhất”^[1]. Sau khi đã nói nhiều như thế, giờ đây chúng tôi xin tiếp tục trình bày giả thuyết tiến hóa của những người Bà la môn thời xưa được họ thể hiện qua ẩn dụ về cây trần thế. Người Ấn Độ biểu diễn cây thần bí của mình (mà họ gọi là *Aswatha*) theo cách khác với người Bắc Âu. Họ mô tả nó tăng trưởng theo thế nghịch; cành cây chia xuống dưới, còn rễ mọc ngược lên trên; cành cây tiêu biểu cho ngoại giới giác quan nghĩa là vũ trụ càn khôn hữu hình, còn rễ cây tiêu biểu cho thế giới tinh thần vô hình, vì rễ *khởi nguyên* nơi cõi trời mà loài người đã đặt vào đó đấng thiêng liêng vô hình từ khi thế giới được sáng tạo ra. Năng lượng sáng tạo bắt nguồn nơi điểm nguyên thủy, các biểu tượng tôn giáo của mọi dân tộc có biết bao nhiêu minh họa về giả thuyết siêu hình này do Pythagoras, Plato và các triết gia khác xiển dương. Philo có nói^[2]: “Những người Chaldea có ý kiến cho rằng trong số những sự vật tồn tại thì Càn khôn là điểm đơn nhất hoặc nó chính là Thượng Đế (Theos) hoặc Thượng Đế ở nơi nó bao gồm linh hồn của vạn vật”.

Kim tự tháp của người Ai Cập cũng biểu diễn tượng trưng ý tưởng này về cây trần thế. Đỉnh của nó là mối liên kết thần bí giữa trời và đất, tượng trưng cho rễ cây, còn đáy của nó biểu diễn các cành cây xò ra vươn tới bốn phương chính của vũ trụ vật chất. Nó truyền đạt ý tưởng theo đó vạn vật đều bắt nguồn nơi tinh thần; sự tiến hóa thoát tiên bắt đầu từ bên trên rồi tiến xuống dưới thay vì ngược lại theo như người ta dạy trong thuyết của Darwin. Nói cách khác, đã có sự vật chất hóa dần dần các hình tượng cho đến khi cuối cùng đạt tới mức ẩn định được sự dung tục. Đây là lúc mà học thuyết tiến hóa hiện đại bước vào diễn trường của một giả thuyết suy đoán. Khi đạt tới thời kỳ này ta thấy cũng dễ hiểu *nhân sinh khởi nguyên luận* của Haeckel, nó truy nguyên dòng dõi của con người từ “gốc rễ nguyên sinh chất ướt sũng trong bùn đất của biển cả vốn tồn tại trước khi những đá hóa thạch xưa nhất đã trầm tích” – theo cách trình bày của Giáo sư Huxley. Chúng ta có thể tin rằng con người tiến hóa “bằng cách biến đổi dần dần một động vật có vú với tổ chức giống như con khỉ” dễ dàng hơn nữa khi ta nhớ rằng cũng thuyết ấy đã được Berosus bảo rằng người ta đã giảng dạy nó nhiều ngàn năm trước thời ông bởi người cá Oannes hoặc Dagon, loài nửa ma quỷ của Babylon^[3] (mặc dù thuyết đó mang thuật ngữ cô đọng hơn và thanh nhã hơn nhưng vẫn có thể hiểu được). Chúng tôi có thể thêm một sự kiện thú vị, đó là thuyết tiến hóa cổ truyền chẳng những được ướp tẩm trong dạng ẩn dụ và huyền thoại mà còn được mô tả trên những bức vách của một vài đền thờ ở Ấn Độ; và dưới dạng manh mún, nó đã được phát hiện nơi những bức vách ở Ai Cập và trên những phiến đá ở Nimroud và Nineveh mà Layard đã khai quật được.

Nhưng điều gì ẩn sau dòng dõi tiến hóa theo Darwin? Xét về ông ta thì chẳng có gì ngoại trừ “giả thuyết không kiểm chứng được”. Đó là vì ông có trình bày rằng ông xem xét mọi sinh linh “đều là dòng dõi của một số ít sinh linh vốn sống rất lâu trước thời địa tầng thứ nhất của hệ thống Silure đã trầm tích”^[4]. Ông cũng chẳng toan tính cho ta biết “một số ít sinh linh” này là những ai. Nhưng nó hoàn toàn đáp ứng được chủ đích của ta vì khi thừa nhận sự tồn tại của họ thì ông đã phải cầu viện tới cổ nhân để bổ chứng và bày tỏ ý tưởng đang nhận được dấu ấn do khoa học ủng hộ. Khi địa cầu ta đã trải qua mọi thay đổi xét về nhiệt

[1] Bài thuyết trình của Huxley, Hội viên Hội Hoàng gia: “Darwin và Haeckel”.

[2] “Sự Di cư của Abraham”, tiết 32.

[3] Cory, tác phẩm “Các Mảnh vụn Cổ truyền”.

[4] “Nguồn gốc các Chủng loại”, trang 448, 489, ấn bản đầu tiên.

độ, khí hậu, đất đai và – xin lỗi khi xét tới những diễn tiến gần đây – tình trạng điện tử, thì ông quả thật là táo bạo khi dám bảo rằng bất cứ điều gì trong khoa học hiện nay đều mâu thuẫn với giả thuyết thời xưa về con người trước thời Silure. Những cái rìu bằng đá lửa mà Boucher de Berthes đã tìm thấy trước tiên ở thung lũng Sômmе chứng tỏ rằng con người ắt đã tồn tại vào một thời kỳ xa xưa đến nỗi ta không thể tính toán ra. Nếu ta tin vào Büchner thì con người ắt đã sống ngay cả trong lúc và trước thời băng hà, một phân kỳ của thời đệ tứ kỷ hoặc thời hồng tích tầng có lẽ trải dài ra rất xa xưa. Nhưng ai dám bảo phát hiện sắp tới sẽ dành sẵn điều gì cho chúng ta?

Thế mà nếu chúng tôi có bằng chứng không chối cãi được theo đó con người đã tồn tại lâu đến thế thì ắt phải có những sự biến đổi kỳ diệu trong hệ thống thể chất của y, tương ứng với sự thay đổi về khí hậu và khí quyển. Chẳng lẽ điều này dường như không chứng tỏ qua phép tương tự rằng nếu truy nguyên ngược về quá khứ thì có thể còn có những sự biến đổi khác khiến cho những tổ tiên xa xưa nhất của những “người khổng lồ sương giá” sống thích ứng ngay cả cùng thời với loài cá của kỷ Devon hoặc loài nhuyễn thể của kỷ Silure. Thật vậy, họ không để lại những cái rìu bằng đá lửa, cũng chẳng có di tích xương cốt trầm tích trong hang động, nhưng nếu cổ nhân là đúng thì giống người vào thời đó chẳng những chỉ bao gồm người khổng lồ hoặc những “người lừng danh là mạnh mẽ” mà còn bao gồm các “con của Thượng Đế”. Nếu những người tin vào sự tiến hóa của *tinh thần* mà tin chắc chắn giống như nhà duy vật tin vào sự tiến hóa của *vật chất*, nếu họ bị tố cáo là dạy dỗ những “giả thuyết không kiểm chứng được” thì làm sao mà họ không dễ dàng cãi lại kẻ buộc tội mình bằng cách bảo rằng chính họ cũng thú nhận rằng sự tiến hóa thể chất vẫn còn là “một giả thuyết chưa được kiểm chứng nếu không phải là thật sự không kiểm chứng nổi”^[1]. Kê tin vào thuyết tiến hóa tinh thần ít ra cũng có được bằng chứng suy diễn qua thần thoại mang tính cách huyền thoại mà cả các nhà ngôn ngữ lẫn các nhà khảo cổ học đều công nhận là có một nguồn gốc rất xa xưa; trong khi đó những địch thủ của họ chẳng có gì mang bản chất tương tự *nếu họ tự tiện dùng một phần tác phẩm vẽ bằng tranh thời xưa và giấu nhem đi phần còn lại*.

May mắn thay trong khi công trình của một số nhà khoa học – họ đã lừng danh rất xứng đáng – thẳng thừng bác bỏ giả thuyết của chúng tôi, thì những khảo cứu và công trình lao động của những người khác không kém phần lỗi lạc lại dường như xác nhận hoàn toàn quan điểm của chúng tôi. Trong tác phẩm gần đây của ông Alfred R. Wallace, *Sự Phân bố theo Địa lý của loài Thực vật*, chúng tôi thấy tác giả nghiêm chỉnh ủng hộ ý tưởng cho rằng “một quá trình phát triển chậm chạp” nào đó của các giống loài hiện nay từ những giống loài có trước chúng, ý tưởng ấy được truy nguyên ngược lại qua một loạt vô số chu kỳ. Và nếu những con thú mà như thế thì tại sao người thú lại không được truy nguyên tới trước đó xa xưa hơn nữa đến một người hoàn toàn “tâm linh”, một “con của Thượng Đế”?

Và giờ đây, một lần nữa chúng ta có thể quay lại với biểu tượng học của thời xưa cùng với các thần loại tôn giáo vật thể. Trước khi kết thúc tác phẩm này chúng tôi hi vọng sẽ chứng tỏ ít nhiều thành công được những quan niệm của cổ nhân có liên kết mật thiết xiết bao với nhiều thành tựu của khoa học hiện đại về vật lý và triết học tự nhiên. Bên dưới những công cụ biểu hiệu và cách trình bày đặc thù của giới giáo sĩ thời xưa có ẩn tàng những lời bóng gió thuộc những khoa học cho đến nay chưa được phát hiện trong chu kỳ hiện tại. Cho dù một học giả có thể quen thuộc với chữ viết thầy tu và hệ thống chữ tượng hình của người Ai

^[1] Huxley: “Darwin và Haeckel”.

Cập thì trước hết ông phải học cách sàng lọc tài liệu của mình. Khi cầm lăm lăm thước kẻ và compa trong tay, ông phải chắc chắn rằng chữ viết tượng hình mà ông đang khảo sát thích ứng theo từng đường một với một vài hình kỷ hà xác định vấn đề là chìa khóa ẩn tàng của tài liệu ấy trước khi ông dám thuyết giải nó.

Nhưng cũng có những thần thoại tự nó cũng đủ nói lên rồi. Trong lớp này ta có thể bao gồm các nhà sáng tạo đầu tiên lưỡng tính thuộc đủ mọi vũ trụ khởi nguyên luận. Zeus Zên của người Hi Lạp (hậu thiên khí æther), và Chthonia (đất hỗn mang) và vợ của mình là Metis (nước); Osiris và Isis Latona – Osiris là vị thần cũng biểu diễn chất ether – phân thân đầu tiên của Đấng Thiêng liêng Tối cao, Amun, cội nguồn bản sơ của ánh sáng; lại là nữ thần đất và nước; Mithras^[1] vị thần sinh ra từ đá, biểu tượng của lửa trần thế hùng tính tức ánh sáng nguyên thủy được nhân cách hóa và Mithra (nữ thần lửa) vừa là vợ vừa là mẹ của Mithras; yếu tố lửa thuần túy (nguyên thể chủ động tức hùng tính) được coi là ánh sáng và nhiệt cùng với đất và nước tức vật chất (yếu tố thụ tính tức thụ động trong cơ sinh sản của vũ trụ). Mithars là con của Bordj, núi trần thế của Ba Tư^[2], ngài lóe lên thành một tia sáng từ núi ấy. Brahma thần lửa và phu nhân mẫn con của ngài; và *Unghi* của người Ấn Độ, đấng thiêng liêng rực rỡ từ cơ thể ngài tỏa ra một ngàn luồng quang huy và bảy ngọn lửa, và để tôn vinh ngài thì người Bà la môn Sagniku vẫn còn bảo tồn một loại lửa *miên viễn* cho tới tận ngày nay. Shiva, hóa thân thành núi trần thế của người Ấn Độ, núi *Tu di* (Hi mã Lạp Sơn). Vị thần lửa khủng khiếp này (trong huyền thoại có nói ngài từ trên trời giáng xuống), giống như Jehovah của Do Thái giáo, trong *một cột trụ lửa* và một tá các thần linh cổ sơ lưỡng tính khác, tất cả đều tuyên cáo âm ý nghĩa ẩn tàng của mình. Và liệu những thần thoại lưỡng tính này có thể mang ý nghĩa gì nếu không phải là nguyên thể hóa lý của sự sáng tạo nguyên thủy? Sự khai huyền nguyên sơ Nguyên nhân Tối cao qua biểu lộ tam bội là tinh thần, thần lực và vật chất; sự *tương quan* thiêng liêng vào lúc khởi điểm tiến hóa được ẩn dụ hóa thành sự phối ngẫu của *lửa* và *nước*, sản phẩm của việc điện hóa tinh thần, do hiệp nhất nguyên thể chủ động hùng tính với yếu tố thụ động thụ tính, chúng trở thành cha mẹ của đứa con dưới đất tức vật chất vũ trụ, *vật chất bản sơ* có tinh thần là ether tức **ÁNH SÁNG TINH TỬ**!

Như vậy ta có thể chứng tỏ mọi ngọn núi trần thế, cái trứng trần thế, cái cây trần thế, cột trụ và con rắn trần thế xét theo khoa học đều thể hiện những sự thật đã được chứng minh của triết học tự nhiên. Tất cả mọi ngọn núi này chỉ có những biến thiên chút ít, đều bao hàm sự mô tả vũ trụ khởi nguyên luận bản sơ diễn tả theo kiểu ẩn dụ; những cái cây trần thế diễn tả sự tiến hóa sau đó của tinh thần và vật chất; những cột trụ và con rắn trần thế là biểu tượng tượng niệm đủ thứ thuộc tính của cơ tiến hóa lưỡng bội này trong mối tương quan bất tận của các lực vũ trụ. Bên trong những góc ngách bí hiểm của núi non – cái khuôn của vũ trụ – chư thần linh (các quyền năng) chế biến các mầm mống nguyên tử của sự sống hữu cơ, đồng thời chế biến nước hằng sống mà khi ta nếm thử sẽ khởi hoạt được con người *tinh thần* ẩn trong con người vật chất. Soma, thứ nước hiến tế của người Ấn Độ chính là thức uống linh thiêng này. Đó là vì khi sáng tạo ra *vật chất nguyên sơ*, trong khi các bộ phận thô trước của nó được sử dụng cho thể giới phôi thai vật thể thì bản thể thiêng liêng của nó lại thấm nhuần vũ trụ, thấm đượm và bao trùm bên trong các làn sóng tinh anh của

[1] Người Ba Tư coi Mithras là thần của tảng đá.

[2] Bordj được gọi là núi lửa – hỏa diệm sơn; do đó nó chứa lửa, đá, đất và nước – các yếu tố hùng tính và chủ động, thụ tính hoặc thụ động. Thần thoại này thật gợi ý.

mình đưa trẻ sơ sinh khiến chẳng ai thấy được, phát triển và kích thích nó hoạt động khi nó từ từ tiến hóa ra thoát khỏi sự hỗn mang vĩnh hằng.

Thoạt đầu chỉ là những thi ca với những quan niệm trừu tượng, những thần thoại thế giới này dần dần chuyển thành ra những hình ảnh cụ thể về biểu tượng vũ trụ mà khoa khảo cổ học giờ đây phát hiện được. Con rắn vốn đóng một vai trò nổi bật xiết bao trong ảnh tượng của cổ nhân lại bị cách thuyết giải phi lý về con rắn trong *Sáng thế ký* làm thoái hóa thành đồng nghĩa với quỷ Sa tăng, ông hoàng U minh, trong khi con rắn là thần thoại khéo léo nhất trong mọi thần thoại với đủ thứ biểu tượng hệ. Trong một biểu tượng hệ với vai trò là *agathadaimon*, nó là biểu hiệu của thuật chữa bệnh và tính bất tử của con người. Nó quần quanh ảnh tượng của hầu hết các vị thần linh về y tế hoặc vệ sinh. Trong Bí pháp Ai Cập, con rắn quần quanh *cái chén sức khỏe*. Vì điều ác chỉ có thể xuất hiện do điều thiện đạt tới cực đoan, cho nên con rắn xét theo một số khía cạnh khác trở nên tiêu biểu cho vật chất; nó càng xa rời cội nguồn tâm linh nguyên thủy thì càng dễ trở thành đối tượng của điều ác. Trong ảnh tượng xưa nhất của Ai Cập cũng như trong các ẩn dụ của vũ trụ khởi nguyên luận của Kneph, con rắn trần thế khi tiêu biểu cho vật chất thường được biểu diễn là được chứa đựng bên trong một vòng tròn, nó nằm thẳng đuôn băng qua đường xích đạo, như vậy biểu thị rằng vũ trụ của ánh sáng tinh tú (thế giới vật lý được triển khai ra từ đó) trong khi là biên của vũ trụ vật lý thì bản thân nó lại bị bao trùm bởi Emept tức là Nguyên nhân Bản sơ Tối cao. *Phtha* tạo ra *Ra* cùng với vô số hình tượng mà ngài ban cho sự sống đều được trình bày là chui ra khỏi quả trứng trần thế, vì đó là hình tượng quen thuộc nhất của điều mà mầm mống của mọi sinh vật đều lắng đọng và phát triển trong đó. Khi con rắn biểu diễn thời gian vĩnh hằng và tính bất tử thì nó bao quanh thế giới, ngậm đuôi lại khiến cho tính liên tục trở nên vô nghiệm. Lúc bấy giờ nó trở thành ánh sáng tinh tú. Các môn đồ của trường phái Pherecydes dạy rằng ether (thần Zeus hoặc Zên) là cội trời thiên giới cao nhất bao gồm cả thế giới siêu phàm, còn ánh sáng của nó (ánh sáng tinh tú) là yếu tố nguyên thủy tập trung.

Đó là nguồn gốc của con rắn mà thời đại Ki Tô giáo đã biến hình nó thành quỷ Sa tăng. Đó là *Od*, *Ob* và *Aour* của thánh Moses và môn đồ kinh Kabala. Khi ở trạng thái thụ động, khi tác động lên những kẻ vô hình trung bị thu hút vào bên trong dòng chảy của nó thì ánh sáng tinh tú tức là *Ob*, tức thần Python. Người ta xác định Moses đã tiêu diệt tất cả những kẻ nào nhạy cảm với ảnh hưởng của nó nên buông thả dễ dàng sa vào vòng kiểm soát các những sinh linh ác hại di chuyển trong các làn sóng tinh tú cũng như cá bơi trong nước; những sinh linh này bao quanh chúng ta và được Bulwer Lytton gọi là "những kẻ chặn ngõ" (ngiệp chướng) trong *Zanoni*. Nó trở thành *Od* ngay khi nó được làm linh hoạt do *luồng lưu xuất hữu thức* của một linh hồn bất tử; đó là vì lúc bấy giờ các dòng chảy tinh tú đang tác động theo sự dẫn dắt của một bậc cao đồ, một chơn linh thanh khiết hoặc một nhà thôi miên mesmer có tài năng, bản thân y thanh khiết và biết cách điều khiển các lực mù quáng. Trong những trường hợp như thế, ngay cả một Chơn linh Hành tinh cao cấp, một trong lớp thực thể chưa bao giờ hiện thân (mặc dù có nhiều đấng trong các huyền giai này đã từng sống trên trái đất ta) đôi khi giáng xuống cõi của ta, tẩy trừ bầu hào quang xung quanh khiến cho *đối tượng* trở nên thấu thị và mở ra cho y suối nguồn tiên tri thiêng liêng chân chính. Còn về phần thuật ngữ *Aour* thì từ này được dùng để chỉ một vài tính chất huyền bí của tác nhân vạn năng. Nó trực tiếp thuộc về địa hạt của nhà luyện kim đan và chẳng dính dáng gì tới công chúng.

Tác giả của hệ thống triết học *Sơ chất tổ*, Anaxagoras ở Clazomenè, tin chắc rằng các nguyên mẫu tâm linh của vạn vật cũng như các nguyên tố của chúng

đều tồn tại trong chất ether vô biên, chúng được sản sinh ra nơi đó, chúng tiến hóa ra từ đó và chúng từ trần thế trở về đó. Cũng giống như người Ấn Độ đã nhân cách hóa Akasa (cõi trời tức ether) và biến nó thành một thực thể được thần thánh hóa, người Hi Lạp và La Tinh cũng thần thánh hóa Hậu thiên khí (Æther). Virgil gọi thần Zeus là *hậu thiên khí của Chúa Cha toàn năng* ^[1], Magnus là vị thần vĩ đại tức Ether.

Những thực thể được ám chỉ bên trên đều là các tinh linh ngũ hành của môn đồ kinh Kabala ^[2] mà giới giáo sĩ Ki Tô giáo tố cáo là “ma quỷ”, kẻ thù của loài người.

Trong chương sách bàn về ma quỷ, Des Mousseaux nghiêm trọng nhận xét rằng “Tertullian đã *chính thức* phát hiện được bí mật về sự nham hiểm của họ”?

Đó thật là một phát hiện vô giá và giờ đây khi ta đã học được biết bao nhiêu điều về công trình lao động trí óc của các Đức Cha Linh thánh cũng như thành tích của họ về nhân loại học tinh túy thì liệu ta có cần sửng sốt hay chẳng nữa trong khi nhiệt thành thám hiểm thế giới tâm linh thì cho đến nay họ lại bỏ lơ hành tinh của chính mình đến nỗi đôi khi chối bỏ chẳng những việc nó có quyền di chuyển mà còn chối bỏ cả dạng hình cầu của nó nữa?

Và sau đây là điều ta tìm thấy nơi Langhorne, người dịch tác phẩm của Plutarch: “Dionysius ở Halicarnassus [L. ii.] có ý kiến cho rằng Numa xây dựng đền thờ ở Vesta dưới dạng *hình tròn* để biểu diễn hình dáng của trái đất vì họ cho rằng Vesta có nghĩa là trái đất”. Hơn nữa, cùng với mọi môn đồ của Pythagoras khác, Philolaüs cho rằng nguyên tố lửa được đặt ở trung tâm của vũ trụ; còn Plutarch khi nói tới đề tài này có nhận xét về các môn đồ Pythagoras như sau: “Trái đất mà họ giả sử rằng đâu phải là không chuyển động và cũng *không ở* trung tâm của thế giới, nhưng họ lại xoay vòng xung quanh bầu lửa; trái đất ấy đâu có gì là giá trị nhất, cũng chẳng phải là bộ phận chính yếu của guồng máy khổng lồ”. Nghe đâu Plato cũng cùng chung ý kiến ấy. Do đó dường như các môn đồ của Pythagoras đã tiên liệu được *phát hiện* của Galileo.

Nếu ta đã một lần thừa nhận sự tồn tại của một vũ trụ vô hình như thế – điều này dường như có thể là sự thật nếu các đồng môn của tác giả quyển *Vũ trụ Vô hình* đã từng chấp nhận những suy đoán của họ – thì nhiều hiện tượng cho

[1] Virgil tác phẩm “Georgica”, quyển II.

[2] Porphyry và các triết gia khác có giải thích bản chất của ma vương nghiệp chướng. Đó là những sinh linh nhiều ác ý và ưa lừa gạt, mặc dù một số chúng hoàn toàn dịu dàng và vô hại, nhưng chúng quá yếu ớt nên gặp rất nhiều khó khăn khi giao tiếp với kẻ phàm phu mà chúng không ngừng tìm cách săn đuổi. Ma vương không độc ác do có ác ý một cách thông minh. Luật tiến hóa tâm linh chưa phát triển bản năng của chúng thành trí thông minh, ánh sáng cao siêu nhất của trí thông minh chỉ thuộc về các chơn linh bất tử, khả năng lý luận của chúng chỉ ở trạng thái tiềm tàng, do đó bản thân chúng là vô trách nhiệm.

Nhưng giáo hội La Tinh cãi lại các môn đồ kinh Kabala. Thánh Augustine thậm chí còn bàn luận về đề tài này với Porphyry vốn là môn đồ Tân Platon. Ông bảo rằng: “Các tinh linh này ưa lừa gạt *không phải do bản chất của chúng* theo như nhà thông thần Porphyry trình bày mà là do ác ý. Chúng giả mạo làm *chư thần linh* và *vong linh của kẻ quá cố* (Chư thần linh Dân sự, quyển x, chương 2). Đến đây thì Porphyry cũng đồng ý với ông, nhưng vị giám mục ở Hippo lại nói thêm rằng: “nhưng chúng đâu có tự xưng là *ma quỷ* vì chúng quả thực đúng là ma quỷ. Nhưng nếu thế thì ta phải xếp những người *không có đầu* vào lớp người nào khi Augustine muốn chúng ta tin vào bản thân ông có thấy những người như thế hoặc các thần dê của thánh Jerome, vị thánh này quả quyết rằng họ xuất hiện trong một thời gian đáng kể ở Alexandria? Ông bảo chúng ta rằng họ là những “người có chân và đuôi dê”, và nếu ta tin được ông thì một trong những thần dê này thật sự bị *ngâm dấm* và gửi tới cho hoàng đế Constantine trong một thùng phuy!

đến nay còn huyền bí và không thể giải thích được ắt trở nên rành rành. Nó tác động lên cơ thể của những đồng cốt bị từ hóa, nó xuyên thấu và làm bảo hòa chúng, hoặc là được điều khiển bởi ý chí đầy quyền năng của một nhà thôi miên mesmer, hoặc là do những thực thể vô hình thành tựu được cũng kết quả ấy. Một khi thao tác thầm lặng đã được thực hiện thì cái bóng ma tinh anh hoặc tinh dầu của đối tượng bị thôi miên mesmer sẽ rời bỏ cái xác phàm bị tê liệt và sau khi lang thang trong không gian vô tận thì nó sẽ đáp xuống trước ngưỡng cửa của “dòng suối” bí nhiệm. Đối với nó thì những cánh cổng của khung cổng đánh dấu việc nhập vào “vùng đất tịch lặng” giờ đây chỉ mới hé mở một phần, chúng chỉ mở toang ra trước mặt linh hồn của kẻ mộng du bước vào khi nó đã hợp nhất với bản thể bất tử cao siêu để mãi mãi rời khỏi cái khuôn hữu hoại của mình. Trong khi chờ đợi thì nhà thấu thị nam hoặc nữ chỉ có thể nhìn qua một khe nứt; tùy theo sự miễn tiếp trong tâm nhìn thần nhãn mà y thấy được ít nhiều xuyên qua khe nứt.

Tam vị nhất thể là một ý tưởng mà mọi quốc gia thời xưa đều có chung với nhau. Ba *Dejotas* tức Tam vị của Ấn Độ; Ba *Ngôi* trong kinh Kabala của Do Thái giáo ^[1]. “Ba Ngôi được chạm khắc cái này trong cái kia và cái này chồng chất lên cái kia”. Tam vị nhất thể của người Ai Cập cũng như trong thần thoại Hi Lạp đều là các biểu diễn phân thân bản sơ tam bội bao gồm hai nguyên khí hùng tính và một nguyên khí thư tính. Chính sự hiệp nhất của *Ngôi Lời* hùng tính tức Minh triết (Đấng thiêng liêng được khai huyền) với *Aura* tức *Anima Mundi* – “Thần khí”, vốn là *Sephira* của môn đồ kinh Kabala và *Sophia* của môn đồ phái Ngộ đạo tinh anh – đã tạo ra vạn vật hữu hình và vô hình. Trong khi sự thuyết giải siêu hình chân chính về giáo điều phổ biến khắp thế giới này vẫn còn ở trong phạm vi các thánh điển thì người Hi Lạp với bản năng thi ca đã nhân cách hóa nó qua nhiều thần thoại hấp dẫn. Trong *Dionysiacs* của Nonnus, tửu thần Bacchus cũng giống như trong các ẩn dụ khác được biểu diễn là si tình, làn gió mát mẻ, êm dịu (Thần khí) mang mỹ danh *Aura Placida* ^[2]. Và bây giờ chúng tôi xin dành cho Godfrey Higgins lên tiếng: “Khi các Đức Cha *dốt nát* làm nên lịch thì họ biến làn gió hiu hiu êm dịu này thành ra hai vị thánh của Công giáo La Mã!”, thánh Aura và thánh Placida; thậm chí họ còn đi xa đến mức biến vị thần phê phỡn say sưa thành ra thánh Bacchus, và thật sự *cho thấy quan tài và di tích của ngài ở tại Rome*. Lễ mừng Chư Thánh “được sắc phong”, Aura và Placida diễn ra vào ngày mùng 5 tháng 10 gần với lễ mừng thánh Bacchus ^[3].

Trong các huyền thoại của nước Na Uy “ngoại đạo”, ta thấy tinh thần tôn giáo mang tính thi ca và lớn lao biết chừng nào! Trong vực thẳm vô biên của hố sâu trần thế tức khoảng trống Ginnunga-gap, nơi mà cơn giận dữ mù quáng hoành hành và vật chất vũ trụ xung đột với các lực nguyên thủy thì thành linh ngọn gió làm tan băng giá thổi lên. Đó là “Thượng Đế chưa được khai huyền”, ngài phóng ra thần khí ban phúc của mình từ Muspellheim, cõi của lửa thiên giới, bên trong các tia đỏ rực của nó có Đấng cao cả vượt xa giới hạn của thế giới vật chất và phần hồn của Đấng vô hình, Thần khí ấp ủ trên nước sâu thẳm thẳm tối đen khiến cho trật tự xuất hiện từ hỗn mang và một khi đã cung cấp xung lực

^[1] “Tria capita exculpta sunt, una intra alterum, et alterum supra alterum” – (Sohar; “Indra Suta,” tiết vii.)

^[2] Cơn gió êm dịu (theo nghĩa đen).

^[3] “Anacalypsis” của Higgins, cũng như “Dupruis”.

cho mọi tạo vật thì NGUYÊN NHÂN BẢN SƠ bèn triệt thoái và vẫn đời đời ở *trạng thái bí hiểm* ^[1].

Trong những bài ca ngoại đạo này của Bắc Âu có cả tôn giáo lẫn khoa học. Ví dụ về khoa học thể hiện qua quan niệm về Thor, con trai của Odin. Bất cứ khi nào thần Hercules này của phương Bắc mà cầm lấy cái cán của vũ khí khủng khiếp tức sấm sét hoặc cây búa điện thì ngài bắt buộc phải đeo găng tay *bằng sắt* vào. Ngài cũng mang một thắt lưng pháp thuật mà ta biết là *đai lưng sức mạnh*, khi được thắt xung quanh người mình thì nó làm gia tăng rất nhiều quyền năng thiên giới của ngài. Ngài cưỡi trên một chiến xa do hai con cừu đực kéo, có hai sợi dây cương bằng bạc và lông mào dễ sợ của ngài được quấn quanh bằng một tràng hoa các ngôi sao. Chiến xa của ngài có một cực nhọn bằng sắt, những bánh xe làm tung tóe tia lửa của nó liên tục lăn trên những đám mây sấm sét ầm ầm. Ngài vung búa dùng sức mạnh vô địch chống lại những kẻ khổng lồ sương giá nổi loạn mà ngài dẹp tan và tiêu diệt được. Khi ngài lui tới suối nguồn Urdar (nơi chư thiên họp hội nghị để quyết định vận mệnh của nhân loại) thì ngài lui thủ đi bộ một mình tới đó còn chư thần linh khác đều cưỡi xe thú. Ngài đi bộ vì e rằng khi đi bằng qua Bifrost (cầu vồng đa sắc) thì ngài có thể nổi lửa đốt cháy nó do cái xe sấm sét của mình, đồng thời khiến cho nước ở Urdar sôi lên.

Khi diễn dịch sang tiếng Anh rành mạch thì ta làm sao thuyết giải được thần thoại này nếu không cho thấy rằng những người viết nên huyền thoại Bắc Âu đã hoàn toàn quen thuộc với điện? Thor (là hình tượng lịch sử hóa thần thoại về điện chỉ vận dụng yếu tố đặc thù của mình khi được che chở bằng đôi găng tay *ắt* vốn tự nhiên là dẫn điện. Đai lưng sức mạnh của ngài là một mạch điện kín mà dòng điện cô lập bắt buộc phải chạy vòng quanh đó thay vì tản mát ra khắp không gian. Khi ngài thúc chiếc xe đi bằng qua mây thì ngài là điện ở trạng thái *hoạt động*, những tia lửa tung tóe ra từ bánh xe của ngài và sấm chớp ầm ầm của những đám mây chứng nhận điều đó. Cực sắt nhọn của chiến xa gợi ý cho ta về cột thu lôi, hai con cừu đực được dùng làm chiến mã là những biểu tượng quen thuộc thời xưa của quyền năng sinh sản hùng tính này; những dây cương bằng bạc tiêu biểu cho nguyên khí thụ tính vì bạc là kim loại của Luna, Astartè, Diana. Do đó nơi con cừu đực và bộ cương của nó ta thấy tổ hợp lại các nguyên khí chủ động và thụ động đối lập trong thiên nhiên; một đằng thì bung ra còn một đằng thì kiềm hãm lại, trong khi cả hai lại tuân phục nguyên thể điện thẩm nhuận thế giới cung cấp xung lực cho chúng. Do được điện cung cấp xung lực, các nguyên khí thụ tính và hùng tính, tổ hợp và tái tổ hợp theo vô số tương quan, kết quả là thiên nhiên hữu hình tiến hóa mà đỉnh cao vinh diệu của nó chính là hệ thống hành tinh thần thoại về Thor được ẩn dụ hóa qua vòng nhỏ các tinh cầu lấp lánh trang điểm cho lông mào của Thor. Khi ở trạng thái hoạt động thì sấm chớp dễ sợ của ngài hủy diệt mọi thứ kể cả các lực người khổng lồ Titan thứ yếu khác. Nhưng ngài lại đi bộ qua cầu vồng Bifrost để chan hòa với các thần linh khác có quyền năng kém hơn mình, ngài bắt buộc phải ở trạng thái *tiềm tàng*, trạng thái mà ngài không thể tồn tại trong chiến xa của mình được; bằng không thì ngài sẽ nổi lửa thiêu rụi tất cả. Các nhà vật lý chỉ hiểu được ý nghĩa của suối nguồn Urdar mà Thor e ngại sẽ làm nước bị sôi sục cùng với nguyên nhân khiến ngài ngần ngại khi người ta hoàn toàn xác định được những mối quan hệ hỗ tương về điện từ của vô số thành viên trong hệ thống hành tinh mà giờ đây ta vừa mới phỏng đoán. Những thoáng thấy về sự thật đó được trình bày trong các tiểu luận khoa học gần đây của các Giáo sư Mayer và Sterry Hunt. Các

[1] Mallett: "Cổ tích phương Bắc", trang 401 – 406 và "Các Bài ca của một Völuspa" trong tác phẩm Edda.

triết gia thời xưa tin rằng chẳng những núi lửa mà ngay cả những dòng suối sục sôi cũng đều có nguyên nhân là sự tích tụ của các dòng điện ở dưới đất; cũng chính nguyên nhân đó đã tạo ra sự lắng đọng khoáng chất với đủ mọi tính cách vốn tạo thành các suối nước chữa bệnh. Nếu người ta phản đối rằng các tác giả thời xưa đâu có nêu rõ sự kiện này (theo ý kiến của những người thuộc thế kỷ chúng ta thì cổ nhân đâu có quen thuộc bao nhiêu với điện) thì chúng tôi chỉ xin trả lời rằng các nhà khoa học ngày nay đâu có được mọi công trình thể hiện minh triết thời xưa. Nước trong mát của Urdar rất cần thiết cho việc hằng ngày tưới nước cho cây trần thế thần bí; và nếu chúng bị Thor (tức điện hoạt động) làm nhiễu loạn thì chúng ắt bị biến thành suối nước khoáng không thích hợp cho mục đích ấy. Những ví dụ nêu trên ắt ủng hộ cho lời khẳng định xưa cũ của các triết gia, theo đó *trong mọi thần thoại đều có một lý do đầy ý nghĩa* tức là trong mọi điều hư cấu đều có một cơ sở sự thật.
